

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN 32

- Căn cứ Luật doanh nghiệp được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, có hiệu lực từ ngày 1/1/2021.

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần 32 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 08/01/2008, sửa đổi, bổ sung năm 2021.

- Căn cứ vào Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần 32 ngày 24 tháng 06 năm 2022.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2021 và định hướng, mục tiêu, giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2022, cụ thể như sau:

1.1. Kết quả SXKD năm 2021:

- Doanh thu: 659,63 tỷ đồng/650,82 tỷ đồng = 101,37 % KH năm
- Lợi nhuận trước thuế: 41,75 tỷ đồng/41,17 tỷ đồng = 101,4 % KH năm
- Thu nộp ngân sách: 39,082 tỷ đồng/50,319 tỷ đồng = 77,67% KH năm
- Thu nhập bình quân: 10.810.774 đ/10.500.000 đ/ng/tháng = 102,95% KH năm
- Cổ tức: 37%.

1.2. Kế hoạch SXKD năm 2022:

- Doanh thu sản xuất – kinh doanh: 690,136 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 41,515 tỷ đồng
- Thu nộp ngân sách: 49,993 tỷ đồng
- Thu nhập bình quân: 11.500.000 đ/ng/tháng
- Cổ tức: (dự kiến) 22%

Điều 2. Thông qua Báo cáo đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị và đánh giá giám sát của HĐQT đối với Ban Điều hành.

Điều 3. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 và Báo cáo kết quả kiểm toán năm 2021.

Điều 4. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và mức chia cổ tức năm 2021.

- Năm 2021

Tổng lợi nhuận trước thuế : 41.749.995.928 đồng

Thuế thu nhập doanh nghiệp: 7.092.039.186 đồng

Lợi nhuận sau thuế năm 2021: 34.657.956.742 đồng

- Lợi nhuận chưa phân phối từ năm 2020 trở về trước còn lại: 23.666.232.496 đồng
- Tổng lợi nhuận phân phối: 58.324.189.238 đồng

Phương án phân phối lợi nhuận

- Trích lập các quỹ:

Quỹ thưởng của NQL: 361.364.217 đồng

Quỹ khen thưởng phúc lợi: 32.802.825.021 đồng

- Chia cổ tức: 25.160.000.000 đồng (37% = 3.700 đ/CP)

Điều 5. Thông qua báo cáo quỹ lương thực hiện, tổng mức thù lao, thưởng cho HĐQT, BKS năm 2021 và kế hoạch năm 2022

Mức trả thù lao cố định hàng tháng:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị: 7.000.000 đồng/tháng
- Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị: 6.000.000 đồng/tháng
- Thành viên Hội đồng quản trị: 5.000.000 đồng/tháng
- Trưởng Ban kiểm soát: 5.000.000 đồng/tháng
- Thành viên Ban kiểm soát: 3.000.000 đồng/tháng

Điều 6. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2021

Điều 7. Thông qua Báo cáo chiến lược phát triển Doanh nghiệp giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030

Điều 8. Thông qua tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2021

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE); Trụ sở chính: Tầng 11 tòa nhà Sông Đà, số 165 đường Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội. Điện thoại: 024.62670491; Fax 024.62670494; Website: www.vae.com.vn
thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty.

Điều 9. Thông qua tờ trình bổ sung sửa đổi điều lệ và ban hành các quy chế của Công ty Cổ phần 32

1. Bổ sung sửa đổi Điều lệ công ty:

- Bổ sung thêm điều khoản trong Điều 47 chương XIII Phân phối lợi nhuận: Tùy theo nhu cầu đầu tư phát triển của Công ty trong từng thời kỳ; Căn cứ theo quy định của pháp luật hiện hành, mức trích lập Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ khen thưởng ban quản lý điều hành công ty và các loại quỹ khác sẽ được Hội đồng Quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

- Sửa đổi mục b khoản 3 Điều 35 chương VIII Quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc: Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm tổ chức và điều hành theo sự phân công trong Ban Điều hành

công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

2. Ban hành Quy chế nội bộ về Quản trị công ty.
3. Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
4. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Điều 10. Thông qua chủ trương tăng vốn điều lệ

Giao cho Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham vấn tổ chức tư vấn và ý kiến của cơ quan cấp trên và sẽ báo cáo kết quả tại Đại hội đồng cổ đông lần sau để thực hiện.

Điều 11. Điều khoản thi hành.

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 06 năm 2022.

Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị và Ban điều hành căn cứ định hướng, mục tiêu kế hoạch năm 2022 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua để triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định pháp luật và điều lệ công ty.

**T/M ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT**



Nguyễn Thế Anh

**BIÊN BẢN
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN 32**

Tên công ty: Công ty cổ phần 32

Địa chỉ: Số 170 Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp, Tp.HCM, VN.

Mã số doanh nghiệp: 0300517896

I. KHAI MẠC

1. Thời gian: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty được tiến hành từ 8h00 đến 11h00 ngày 24 tháng 06 năm 2022.

2. Địa điểm: Tại Hội trường Công ty cổ phần 32

3. Thành phần tham dự:

- Khách mời: Đại hội cổ đông thường niên Công ty cổ phần 32 vinh dự đón tiếp Đại biểu đại diện Cục Kinh tế - Bộ Quốc phòng

- Đại diện Công ty cổ phần 32 gồm có Ban Điều hành Công ty, Bí thư Đảng ủy Công ty, Ban Kiểm soát, Trưởng các phòng nghiệp vụ, Giám đốc các xí nghiệp thành viên, cửa hàng GTSP

- Cùng các cổ đông sở hữu và đại diện các cổ phần tại Công ty cổ phần 32

4. Kết quả kiểm tra tư cách cổ đông:

- Đại hội đồng cổ đông thường niên với tổng số cổ đông tham dự là 21 người tương ứng số cổ phần sở hữu và đại diện là 6.027.700 cổ phần, chiếm tỷ lệ 88,64% trên tổng số vốn Điều lệ. Những người tham dự Đại hội với tư cách cổ đông có đủ tiêu chuẩn đại biểu theo quy định, những người đại diện cho cổ đông đều được uỷ quyền hợp pháp;

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17/06/2020;

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần 32 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 08 tháng 01 năm 2008, sửa đổi, bổ sung tại đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty cổ phần 32 có đủ điều kiện tiến hành.

5. Chủ tọa đoàn và Ban Thư ký:

- Chủ tọa Đại hội gồm:

Ông Nguyễn Thế Anh	Chủ tịch HĐQT
Ông Ngô Thành Thắng	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Trần Bá Thượng	Thành viên HĐQT

- Thư ký đại hội gồm:

Bà Bùi Thị Hải Hà
Bà Bùi Thị Nhung

II. NỘI DUNG ĐẠI HỘI:

1. Ông Nguyễn Thế Anh - Chủ tịch HĐQT: Thông qua chương trình làm việc và quy chế của Đại hội.

2. Ông Ngô Thành Thắng - Phó Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc Công ty: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2021 và định hướng, mục tiêu, giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2022

3. Ông Nguyễn Thế Anh - Chủ tịch HĐQT: Báo cáo đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị và đánh giá giám sát của HĐQT đối với Ban Điều hành.

4. Bà Đặng Kiều Oanh - Trợ lý Kế toán tổng hợp: Thừa ủy quyền của BDH báo cáo:

- Báo cáo tài chính, Báo cáo kết quả kiểm toán; Phương án phân phối lợi nhuận và cổ tức năm 2021;

- Báo cáo quỹ lương thực hiện, tổng mức thù lao, thưởng cho HĐQT, BKS năm 2021 và kế hoạch năm 2022;

5. Ông Dương Hoài Nam – Đại diện Ban kiểm soát Công ty: Báo cáo của Ban Kiểm soát tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.

6. Ông Nguyễn Thế Anh - Chủ tịch HĐQT: Báo cáo chiến lược phát triển Doanh nghiệp giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030.

7. Ông Nguyễn Thế Anh - Chủ tịch HĐQT: duy trì phần thảo luận và kết luận phần thảo luận;

8. Ông Nguyễn Thế Anh - Chủ tịch HĐQT: Báo cáo với Đại hội về tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2022; Tờ trình bổ sung sửa đổi điều lệ và ban hành các quy chế của Công ty Cổ phần 32; Xin ý kiến đại hội về chủ trương tăng vốn điều lệ.

9. Thông qua Biên bản và Nghị quyết đại hội.

III. THẢO LUẬN, ĐÓNG GÓP Ý KIẾN:

Đại hội có 01 ý kiến phát biểu: Việc trích Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2021 là 32.802.825.021 đồng có trùng với Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2020 không và làm rõ mục đích của việc trích Quỹ khen thưởng phúc lợi.

Ông Nguyễn Thế Anh thay mặt Chủ tọa Đại hội trả lời giải đáp ý kiến phát biểu như sau:

- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2021 không trùng với Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2020.

- Việc trích Quỹ khen thưởng phúc lợi thực hiện theo Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, mục đích của việc trích Quỹ KTPL để chi cho người lao động, hài hòa lợi ích của người lao động và cổ đông công ty.

Với tỷ lệ tán thành là 6.027.700 cổ phần, chiếm 100% tính trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội. Đại hội đã thông qua phần giải đáp của Chủ tọa đại hội, không có cổ đông nào chất vấn hoặc phát biểu thêm.

IV. PHẦN BIỂU QUYẾT:

1. Thông qua Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2021 và định hướng, mục tiêu, giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2022

Kết quả SXKD năm 2021:

- Doanh thu: 659,63 tỷ đồng/650,82 tỷ đồng = 101,37 % KH năm
- Lợi nhuận trước thuế: 41,75 tỷ đồng/41,17 tỷ đồng = 101,4 % KH năm
- Thu nộp ngân sách: 39,082 tỷ đồng/50,319 tỷ đồng = 77,67% KH năm
- Thu nhập bình quân: 10.810.774 đ/10.500.000 đ/ng/tháng = 102,95% KH năm
- Cổ tức: 37%.

Kế hoạch SXKD năm 2022:

- Doanh thu sản xuất – kinh doanh: 690,136 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 41,515 tỷ đồng
- Thu nộp ngân sách: 49,993 tỷ đồng
- Thu nhập bình quân: 11.500.000 đ/ng/tháng
- Cổ tức: (dự kiến) 22%

Tổng số cổ phần tán thành là 6.027.700 cổ phần, chiếm 100% tính trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Tổng số cổ phần không tán thành là 0 cổ phần, chiếm 0% tính trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Tổng số cổ phần không có ý kiến là 0 cổ phần, chiếm 0% tính trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Như vậy Đại hội đã thông qua với tỷ lệ là 100%

2. Thông qua Báo cáo đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị và đánh giá giám sát của HĐQT đối với Ban Điều hành.

Tổng số cổ phần tán thành là 6.027.700 cổ phần, chiếm 100% tính trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Tổng số cổ phần không tán thành là 0 cổ phần, chiếm 0% tính trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Tổng số cổ phần không có ý kiến là 0 cổ phần, chiếm 0% tính trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Như vậy Đại hội đã thông qua với tỷ lệ là 100%

3. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 và Báo cáo kết quả kiểm toán năm 2021.

Tổng số cổ phần tán thành là 6.027.700 cổ phần, chiếm 100% tính trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Tổng số cổ phần không tán thành là 0 cổ phần, chiếm 0% tính trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Tổng số cổ phần không có ý kiến là 0 cổ phần, chiếm 0% tính trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Như vậy Đại hội đã thông qua với tỷ lệ là 100%

4. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, và mức chia cổ tức năm 2021.

- Năm 2021

Lợi nhuận trước thuế : 41.749.995.928 đồng

Thuế thu nhập doanh nghiệp: 7.092.039.186 đồng

Lợi nhuận sau thuế năm 2021: 34.657.956.742 đồng

- Lợi nhuận chưa phân phối từ năm 2020 trở về trước còn lại: 23.666.232.496 đồng

- Tổng lợi nhuận phân phối: 58.324.189.238 đồng

Phương án phân phối lợi nhuận

- Trích lập các quỹ:

Quỹ thưởng của NQL: 361.364.217 đồng

Quỹ khen thưởng phúc lợi: 32.802.825.021 đồng

- Chia cổ tức: 25.160.000.000 đồng (37% = 3.700 đ/CP)

Tổng số cổ phần tán thành là 6.027.700 cổ phần, chiếm 100% tính trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Tổng số cổ phần không tán thành là 0 cổ phần, chiếm 0% tính trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Tổng số cổ phần không có ý kiến là 0 cổ phần, chiếm 0% tính trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Như vậy Đại hội đã thông qua với tỷ lệ là 100% nhất trí phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 và mức chia cổ tức năm 2021 là 37%.

5. Thông qua báo cáo quỹ lương thực hiện, tổng mức thù lao, thưởng cho HĐQT, BKS năm 2021 và kế hoạch năm 2022

Tổng số cổ phần tán thành là 6.027.700 cổ phần, chiếm 100% tính trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Tổng số cổ phần không tán thành là 0 cổ phần, chiếm 0% tính trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Tổng số cổ phần không có ý kiến là 0 cổ phần, chiếm 0% tính trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Như vậy Đại hội đã thông qua với tỷ lệ là 100%

6. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2021

Tổng số cổ phần tán thành là 6.027.700 cổ phần, chiếm 100% tính trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Tổng số cổ phần không tán thành là 0 cổ phần, chiếm 0% tính trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Tổng số cổ phần không có ý kiến là 0 cổ phần, chiếm 0% tính trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Như vậy Đại hội đã thông qua với tỷ lệ là 100%

7. Thông qua Báo cáo chiến lược phát triển Doanh nghiệp giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030

Tổng số cổ phần tán thành là 6.027.700 cổ phần, chiếm 100% tính trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Tổng số cổ phần không tán thành là 0 cổ phần, chiếm 0% tính trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Tổng số cổ phần không có ý kiến là 0 cổ phần, chiếm 0% tính trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Như vậy Đại hội đã thông qua với tỷ lệ là 100%

8. Thông qua tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2021

Tổng số cổ phần tán thành là 6.027.700 cổ phần, chiếm 100% tính trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Tổng số cổ phần không tán thành là 0 cổ phần, chiếm 0% tính trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Tổng số cổ phần không có ý kiến là 0 cổ phần, chiếm 0% tính trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Đại hội đã thông qua với tỷ lệ là 100% nhất trí chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE) để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty.

9. Thông qua tờ trình bổ sung sửa đổi điều lệ và ban hành các quy chế của Công ty Cổ phần 32

Tổng số cổ phần tán thành là 6.027.700 cổ phần, chiếm 100% tính trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Tổng số cổ phần không tán thành là 0 cổ phần, chiếm 0% tính trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Tổng số cổ phần không có ý kiến là 0 cổ phần, chiếm 0% tính trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Đại hội đã thông qua với tỷ lệ là 100% nhất trí bổ sung sửa đổi điều lệ và ban hành các Quy chế của Công ty: Quy chế nội bộ về Quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát (kèm theo tờ trình). Đại hội giao cho Hội đồng quản trị hoàn chỉnh và ký ban hành thực hiện ngay sau khi kết thúc Đại hội.

10. Thông qua chủ trương tăng vốn điều lệ

Tổng số cổ phần tán thành là 6.027.700 cổ phần, chiếm 100% tính trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Tổng số cổ phần không tán thành là 0 cổ phần, chiếm 0% tính trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Tổng số cổ phần không có ý kiến là 0 cổ phần, chiếm 0% tính trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Đại hội đã thông qua với tỷ lệ là 100% nhất trí thông qua chủ trương tăng vốn điều lệ, giao cho Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham vấn tổ chức tư vấn và ý kiến của cơ quan cấp trên và sẽ báo cáo kết quả tại Đại hội đồng cổ đông lần sau để thực hiện.

V. THÔNG QUA BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI

Bà Bùi Thị Hải Hà thay mặt Đoàn thư ký Đại hội đã lên thông qua toàn văn biên bản Đại hội và Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022.

Chủ tọa Đại hội đã xin ý kiến các cổ đông tham dự Đại hội, với tỷ lệ tán thành là 6.027.700 cổ phần, chiếm 100% tính trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội. Đại hội nhất trí thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022.

Cuộc họp kết thúc vào hồi 11h00 ngày 24 tháng 06 năm 2022.

THƯ KÝ



Bùi Thị Hải Hà

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Thế Anh

Số : 159/BC-CTCP

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2021,
định hướng, mục tiêu, giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2022**
(Báo cáo của Ban Điều hành tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

Phần thứ nhất

Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Thuận lợi

- Công ty luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên của Đảng ủy, Chỉ huy Tổng cục Hậu cần và sự giúp đỡ của các cơ quan chức năng cấp trên.

- Thương hiệu hàng hóa và uy tín của Công ty ngày càng được củng cố và phát triển trên thị trường trong nước và xuất khẩu tạo thuận lợi cho việc tiêu thụ hàng kinh tế nội địa và tìm kiếm phát triển các thị trường mới.

- Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 tổ chức thành công và đạt được sự đồng thuận cao tạo thuận lợi cho thực hiện kế hoạch SX-KD năm 2021.

- Công tác chăm lo đời sống vật chất tinh thần cho người lao động được thực hiện tận tình, chu đáo, kịp thời nhất là việc cân đối tiền lương, thu nhập cho người lao động trong những tháng ít hàng tạo sự yên tâm gắn bó với Công ty của cán bộ, người lao động.

2. Khó khăn

- Tình hình dịch bệnh Covid-19 trên thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, trong nước đợt dịch Covid-19 lần thứ 4 bùng phát đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến kinh tế-xã hội của cả nước. Do ảnh hưởng của dịch bệnh làm chuỗi cung ứng toàn cầu bị đứt gãy, chi phí vận tải và dịch vụ xuất-nhập khẩu, thuế môi trường... ảnh hưởng đến nguồn cung nguyên liệu, giá cả vật tư đặc biệt là các sản phẩm nhựa, hóa chất tăng cao ảnh hưởng rất lớn đến kế hoạch tạo nguồn vật tư, giá thành sản phẩm của Công ty.

- Thực hiện việc giãn cách xã hội để phòng chống dịch Covid-19, Công ty đã cho người lao động nghỉ việc trong thời gian dài ảnh hưởng đến doanh thu, lợi nhuận, đơn hàng và việc làm, thu nhập của người lao động. Trong thời gian thực hiện giãn cách xã hội, Công ty đã phải bố trí người lao động vào làm việc theo phương án “3 tại chỗ” với quân số từ 30-50% để sản xuất các đơn hàng quốc phòng và một số đơn hàng xuất gấp đã làm tăng chi phí.

- Sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp cùng ngành ngày càng gay gắt, nạn hàng nhái, hàng giả vẫn diễn biến phức tạp ảnh hưởng lớn đến thương hiệu, uy tín của Công ty, gây khó khăn cho việc tiêu thụ sản phẩm trên thị trường.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

1. Các chỉ tiêu tổng hợp năm 2021

- Doanh thu: 659,63 tỷ đồng/650,82 tỷ đồng = 101,37 % KH năm (so với cùng kỳ năm 2020 = 89,37%)

- Lợi nhuận trước thuế: 41,75 tỷ đồng/41,17 tỷ đồng = 101,4 % KH năm (so với cùng kỳ năm 2020 = 82,54%)

- Thu nộp ngân sách: 39,082 tỷ đồng/50,319 tỷ đồng = 77,67% KH năm (so với cùng kỳ năm 2020 = 75,75%)

- Thu nhập bình quân: 10.810.774 đồng/10.500.000đồng/ng/tháng = 102,95% KH năm (so với cùng kỳ năm 2020 = 100,34%)

- Cổ tức : Dự kiến 22%.

2. Đánh giá về hoạt động SXKD, quản trị doanh nghiệp

a) Thực hiện nhiệm vụ trung tâm:

* Công tác tổ chức sản xuất hàng quốc phòng

- Công ty luôn xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu nên Ban Điều hành thường xuyên chỉ đạo và tập trung mọi nguồn lực, đảm bảo máy móc thiết bị, lao động, chuẩn bị vật tư đồng bộ, kịp thời để triển khai sản xuất và giao hàng đáp ứng yêu cầu thường xuyên cũng như đột xuất của Cục Quân nhu. Đặc biệt là các mặt hàng quân trang thường xuyên cấp phát cho chiến sĩ mới.

- Chất lượng các sản phẩm quốc phòng do Công ty sản xuất ngày được nâng lên và được người sử dụng đánh giá cao.

- Phối hợp chặt chẽ với các nhà cung cấp nguyên liệu, các kho 205, kho 690/CQN và các đơn vị sử dụng trong việc tiếp nhận nguyên liệu và giao nhận thành phẩm đảm bảo yêu cầu cấp phát của các đơn vị.

* Hoạt động kinh tế, thương mại và dịch vụ.

- Năm 2021, do dịch Covid-19 bùng phát, Công ty phải cho người lao động nghỉ việc gần 03 tháng nên ảnh hưởng đến doanh thu và hoạt động sản xuất kinh-doanh của Công ty. Một số đơn hàng xuất khẩu bị cắt giảm số lượng hoặc hủy do ảnh hưởng của dịch Covid-19. Việc đảm bảo vật tư cho sản xuất các đơn hàng trên Công ty cũng gặp rất nhiều khó khăn do chuỗi cung ứng toàn cầu bị đứt gãy nguồn cung.

- Mặc dù có nhiều khó khăn do chi phí đầu vào tăng, sức mua kém của thị trường do ảnh hưởng của dịch bệnh và suy thoái kinh tế... nhưng bằng một loạt biện pháp như tích cực đẩy mạnh công tác tiếp thị, tiết kiệm chi phí, nâng cao chất lượng sản phẩm, áp dụng chính sách giá phù hợp, tập trung đấu thầu và thắng thầu các đơn hàng của Bộ Công an, Tòa án nên Công ty vẫn duy trì được việc làm, đảm bảo thu nhập cho người lao động. Uy tín và thương hiệu của Công ty tiếp tục được củng cố và nâng cao trên thị trường.

b) Về quản trị doanh nghiệp.

** Công tác kế hoạch:*

- Bám sát kế hoạch Tổng cục giao và tình hình thực tế của Công ty để xây dựng các kế hoạch tháng, quý phù hợp. Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo theo quy định của Tổng cục, Bộ Quốc phòng. Theo dõi chặt chẽ tình hình thực hiện kế hoạch để có những xử lý, điều chỉnh kịp thời những phát sinh.

- Tham gia đấu thầu các đơn hàng, chú trọng các gói thầu Quốc phòng, Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao; tích cực tìm kiếm các đơn hàng xuất khẩu tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động.

** Công tác quản lý vật tư, nguyên liệu:*

- Thực hiện nghiêm chỉ định của Tổng cục và Cục Quân nhu, phối hợp chặt chẽ với các đơn vị cung cấp trong việc tiếp nhận kế hoạch tạo nguồn vật tư cho sản xuất hàng Quốc phòng.

- Vật tư hàng hóa được quản lý chặt chẽ, bảo quản tốt về chất lượng và số lượng; thực hiện đúng chế độ ghi chép, theo dõi nhập, xuất và kiểm kê, báo cáo theo quy định.

- Công tác đảm bảo vật tư cho sản xuất được quan tâm và chỉ đạo sát sao nên cơ bản đã đáp ứng kịp thời yêu cầu sản xuất của Công ty.

** Công tác quản lý kỹ thuật công nghệ và chất lượng sản phẩm:*

- Rà soát, hoàn thiện quy trình sản xuất, định mức tiêu hao vật tư nguyên liệu sản phẩm chính; kiểm tra chặt chẽ chất lượng nguyên liệu đầu vào, các khâu sản xuất, thành phẩm, đảm bảo 100% các sản phẩm xuất xưởng đạt chất lượng theo yêu cầu.

- Phối hợp chặt chẽ với Cục trang bị và kho vận, BCA trong việc nghiên cứu sản xuất các mẫu sản phẩm mới như giày da sĩ quan nam cấp tướng, giày da sĩ quan nam cao cấp và giày ghệt cổ bạt ép đúc trực tiếp, ủng da dẫn đoàn. Thiết kế, trình duyệt 36 mẫu sản phẩm giày da các loại để sản xuất, thăm dò thị trường.

- Thường xuyên làm tốt công tác bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị, thực hiện việc giữ tốt, dùng bền và hạn chế thiệt hại do ngừng sản xuất...

** Công tác quản lý lao động, phân phối thu nhập, tiền lương*

- Chấp hành và thực hiện nghiêm Bộ Luật lao động 2019 và triển khai xây dựng các văn bản liên quan.

- Có chính sách lương thưởng hợp lý; giải quyết hài hòa lợi ích giữa người sử dụng lao động và người lao động nên lực lượng lao động của Công ty luôn đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh. Đặc biệt, trong thời gian Công ty ngưng hoạt động để phòng chống dịch Covid-19, Công ty đã chi hỗ trợ tiền lương cho người lao động với số tiền trên 6,7 tỷ đồng, hỗ trợ cho người lao động bị nhiễm Covid-19 là 558 triệu đồng; làm thủ tục đề nghị BHXH chi trả các khoản trợ cấp theo Nghị quyết 68 và Nghị quyết 116 của Chính phủ cho người lao động với tổng số tiền 6,52 tỷ đồng. Cấp trên hỗ trợ cho người lao động tạm ngưng hợp đồng, trường hợp bị F0 và tử vong do Covid-19 với số tiền 653,5 triệu đồng.

** Công tác quản lý tài chính:*

Thực hiện ghi chép đầy đủ, chính xác kịp thời mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh, thu nộp ngân sách nhà nước và ngân sách quốc phòng đúng quy định.

Đảm bảo chi trả hỗ trợ lương và các chế độ chính sách của người lao động trong thời gian thực hiện nghỉ giãn cách xã hội đúng thời gian và đầy đủ.

Thực hiện đầy đủ các báo cáo định kỳ cũng như đột xuất về công tác tài chính, kê khai và nộp thuế đầy đủ, không nợ đọng thuế.

Theo dõi quản lý chặt chẽ chi tiết công nợ. Đôn đốc thu hồi công nợ, không để phát sinh nợ khó đòi.

Thực hiện công tác kiểm toán năm với Công ty Kiểm toán độc lập, quyết toán tài chính và tổng kết công tác tài chính năm 2020 với Tổng cục đúng thời gian quy định. Chuẩn bị đầy đủ các số liệu báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Thực hiện chế độ báo cáo theo đúng quy định với UBCK Nhà nước và sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

c) Công tác đổi mới và phát triển doanh nghiệp

- Kiện toàn biên chế tổ chức theo đúng chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Quốc phòng và Tổng cục Hậu cần; Công ty đã rà soát, xây dựng lại tổ chức biên chế cho phù hợp với điều kiện SX-KD; xây dựng tiêu chuẩn hóa từng chức danh cán bộ, bổ sung đầy đủ các chức danh quản lý đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

- Đánh giá các chương trình sản xuất kinh doanh và kết quả thực hiện “Đề án chiến lược phát triển Công ty giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn 2030”. Xây dựng “Chiến lược phát triển doanh nghiệp giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030” trình Thủ trưởng Tổng cục Hậu cần phê duyệt.

- Thực hiện nghiêm hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 trong toàn Công ty, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Công ty cổ phần 32 luôn chấp hành và thực hiện đúng các quy định, hướng dẫn của Bộ Quốc phòng và Tổng cục Hậu cần về đổi mới và phát triển tại doanh nghiệp.

- Tiếp tục rà soát, bổ sung, hoàn thiện các nội quy, quy chế quản lý phù hợp với các quy định của Pháp luật, Luật Doanh nghiệp và tình hình thực tế của đơn vị.

d) Công tác chính trị, đầu tư xây dựng cơ bản và hành chính, hậu cần:

** Công tác đảng, công tác chính trị*

Đã triển khai thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị; quản lý, định hướng nhận thức tư tưởng, gắn với các hoạt động phong trào thi đua. Triển khai thực hiện hiệu quả các chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp xây dựng Đảng bộ TSVM gắn với xây dựng Công ty VMTD “mẫu mực, tiêu biểu”. Đảng ủy-BĐH Công ty tiến hành sửa đổi, bổ sung hệ thống quy chế làm việc, quy chế lãnh đạo nhiệm kỳ 2020-2025 và quy chế lãnh đạo các mặt công tác trọng yếu để thực hiện trong đơn vị. Công tác kiểm tra, giám sát được Đảng ủy, UBKT Đảng ủy Công ty triển khai thực hiện chặt chẽ, đúng Điều lệ Đảng, quy chế, quy định, kế hoạch, hướng dẫn của cấp

trên. Công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ được thực hiện có nền nếp, gắn với kiện toàn cấp ủy các cấp; thực hiện nghiêm Thông báo số 17/TB-NS ngày 17/3/2021 của Cục Chính trị-TCHC về Quyết nghị của Thường vụ Đảng ủy TCHC về công tác cán bộ đối với Công ty. HĐQT Công ty quyết định điều động, luân chuyển cán bộ chỉ huy, quản lý một số cơ quan, đơn vị chặt chẽ, đúng quy định. Công tác bảo vệ, dân vận, chính sách được thực hiện tận tình, chu đáo, đúng quy định và phù hợp với khả năng bảo đảm của Công ty góp phần giữ ổn định chính trị nội bộ, xây dựng đơn vị an toàn, gắn với địa bàn an toàn. Lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức quần chúng đổi mới nội dung, hình thức hoạt động phù hợp với tình hình dịch bệnh Covid-19 và nhiệm vụ SX-KD của đơn vị nên đã góp phần hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ chính trị của Công ty, xây dựng Đảng bộ TSVM, Công ty VMTD.

** Công tác đầu tư xây dựng cơ bản- mua sắm MMTB:*

- Công tác đầu tư xây dựng cơ bản: thực hiện thi công cải tạo mặt đường bê tông nhựa nóng, hồ ga thoát nước và ô trồng cây; Lắp đặt hệ thống đường ống PCCC. Do dịch bệnh Covid-19 nên Công ty tạm ngưng thi công công trình “Cải tạo, mở rộng nhà văn phòng Công ty cổ phần 32” để sang đầu năm 2022 triển khai.

- Công tác đầu tư máy móc thiết bị phục vụ sản xuất năm 2021 cơ bản đáp ứng được năng lực sản xuất của các xí nghiệp. (Năm 2021 Công ty đầu tư mua sắm MMTB rất hạn chế do đầu tư MMTB cần phù hợp với nhu cầu sử dụng thực tế và mặt bằng xưởng cán luyện khu vực XN32-5 khi được đầu tư xây mới).

** Công tác quản lý, sử dụng đất quốc phòng:*

- Các khu đất được Bộ và Tổng cục giao, Công ty đo đạc, quản lý tốt ranh giới, không để xảy ra tranh chấp, lấn chiếm và sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả cao.

- Xây dựng phương án trình Thủ trưởng Bộ Quốc phòng, Thủ trưởng Tổng cục Hậu cần và địa phương xem xét phê duyệt phương án sử dụng đất quốc phòng; phương án xử lý tiếp tục thực hiện dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết theo Nghị quyết số 132/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc hội và Nghị định số 26/2021/NĐ-CP ngày 25/3/2021 của Chính phủ.

** Các mặt công tác khác:*

- Công tác phòng, chống dịch bệnh, chăm lo bảo vệ sức khỏe người lao động đặc biệt là những thời điểm tổ chức sản xuất “3 tại chỗ” khi dịch Covid-19 bùng phát. Ban chỉ đạo phòng, chống dịch Covid-19 trong Công ty tập trung chỉ đạo, triển khai nghiêm túc, quyết liệt, có hiệu quả các biện pháp phòng, chống dịch bệnh; thực hiện nghiêm Thông điệp 5K; test định kỳ, đột xuất. Triển khai khử trùng môi trường làm việc, nhà ăn ca hàng ngày. Trang bị dung dịch sát khuẩn tại nhà ăn ca, cửa ra, vào, đo thân nhiệt trước khi vào Công ty. Đến nay 100% người lao động đã được tiêm đủ 2 mũi vắc xin ngừa Covid-19.

- Đảm bảo tốt bữa ăn giữa ca cho người lao động, giữ vệ sinh an toàn thực phẩm; duy trì chế độ bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật, bồi dưỡng làm đêm, làm thêm giờ cho người lao động.

- Làm tốt công tác văn thư, lưu trữ, bảo mật. Kịp thời sửa chữa những hư hỏng của hệ thống thông tin liên lạc, đảm bảo luôn thông suốt.

e) Khuyết điểm, tồn tại.

- Năm 2021, Công ty cũng còn một số lô hàng quốc phòng nhập kho Cục Quân nhu chậm so với hợp đồng ký với Cục Quân nhu do Công ty phải thực hiện nghỉ giãn cách xã hội một thời gian dài để phòng chống dịch bệnh Covid-19.

- Công tác dự báo thị trường, tạo nguồn vật tư cho sản xuất còn bị động ảnh hưởng tới kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Việc điều hành sản xuất kinh doanh ở một số Xí nghiệp thành viên có lúc chưa thật linh hoạt sáng tạo, tính chủ động còn hạn chế, năng suất lao động chưa cao nên hiệu quả sản xuất còn thấp.

* **Tóm lại:** Trong năm 2021, mặc dù có rất nhiều khó khăn do dịch bệnh Covid-19 bùng phát, chuỗi cung ứng toàn cầu bị đứt gãy, giá cả vật tư nguyên liệu tăng cao... làm ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh và các mặt công tác khác của Công ty. Tuy nhiên với sự đoàn kết thống nhất quyết tâm vượt qua mọi khó khăn, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo ổn định sản xuất đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động, đơn vị an toàn, các hoạt động của Công ty đều tuân thủ pháp luật Nhà nước, các quy định của Bộ Quốc phòng, của Tổng cục và Điều lệ Công ty; có chính sách quan tâm, chăm lo đến đời sống người lao động, ưu tiên về mục tiêu an sinh xã hội tạo bước đi vững chắc và sự phát triển bền vững làm tiền đề để thực hiện các mục tiêu trước mắt và lâu dài.

Phần thứ hai

Định hướng, mục tiêu, giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Thuận lợi

- Tiếp tục nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên của Đảng ủy, Chỉ huy Tổng cục Hậu cần và sự giúp đỡ của các cơ quan chức năng cấp trên.

- Các đơn hàng truyền thống mua sắm tập trung cung cấp cho Cục Quân nhu, Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao và đặc biệt các đơn hàng xuất khẩu (đơn hàng cung cấp cho Quân đội Hoàng gia Campuchia, đơn hàng giày vải dán hấp) dự báo ổn định tạo điều kiện cho việc xây dựng kế hoạch sản xuất, ổn định việc làm và thu nhập của người lao động.

- Uy tín và thương hiệu của Công ty ngày càng được khẳng định trên thị trường, tạo điều kiện mở rộng và thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm của Công ty.

2. Khó khăn

- Tình hình kinh tế, chính trị, dịch bệnh Covid-19 thế giới và trong nước dự báo sẽ tiếp tục diễn biến phức tạp ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất-kinh doanh và xuất, nhập khẩu vật tư hàng hóa của Công ty.

- Giá cả vật tư nguyên phụ liệu và đặc biệt là các mặt hàng nhựa, hóa chất, bông, sợi... dự báo chưa có dấu hiệu giảm giá do chuỗi cung ứng toàn cầu bị đứt gãy, rủi ro lạm phát gia tăng, thiên tai, biến đổi khí hậu là nguy cơ luôn tiềm ẩn... sẽ ảnh hưởng đến việc tạo nguồn vật tư và giá thành sản phẩm cùng các mặt công tác của Công ty.

- Xu hướng chuyển dịch lao động về các vùng nông thôn diễn biến phức tạp đặc biệt sau khi dịch bệnh Covid-19 bùng phát, cùng với giá cả sinh hoạt tăng cao ảnh hưởng lớn tới đời sống thực tế người lao động gây khó khăn cho việc tuyển dụng và giữ ổn định lực lượng lao động.

II. ĐỊNH HƯỚNG, MỤC TIÊU VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Định hướng, mục tiêu chủ yếu

- Tập trung thực hiện linh hoạt, hiệu quả mục tiêu phòng, chống dịch Covid-19 vừa tập trung sản xuất coi đây là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách của Công ty.

- Đánh giá, rà soát lại các chương trình sản xuất hiện tại để định hướng đầu tư, sắp xếp, điều chỉnh lại sản xuất cho hiệu quả và phù hợp với “Chiến lược phát triển doanh nghiệp giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030” của Công ty.

- Khai thác và sử dụng tốt mọi tiềm năng thế mạnh của Công ty về nguồn lực, máy móc thiết bị và nhà xưởng để nâng cao hiệu quả SX-KD.

- Tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị, công nghệ cho các ngành nghề trọng yếu, các sản phẩm mũi nhọn, đầu tư phát triển công nghiệp phụ trợ để chủ động trong sản xuất kinh doanh, chống hàng nhái, hàng giả. Nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và năng lực cạnh tranh.

- Có chính sách tiền lương tiền thưởng hợp lý và môi trường làm việc tốt nhất để giữ lao động nhằm ổn định sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Đẩy mạnh phát triển hệ thống kênh phân phối, hình thức phân phối và hoàn chỉnh quy chế hoạt động thương mại của Công ty.

- Chấp hành nghiêm Pháp luật của Nhà nước, Luật Doanh nghiệp, các quy định của Quân đội, quy chế nội bộ của Công ty.

- Chấp hành và thực hiện đúng các quy định, hướng dẫn của Bộ Quốc phòng và Tổng cục Hậu cần về việc sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

- Duy trì quy trình quản lý chất lượng ISO 9001: 2015 trong toàn Công ty.

2. Các chỉ tiêu chính năm 2022

Tên các chỉ tiêu chủ yếu	Đvt	Kế hoạch 2022
1. Doanh thu sản xuất- kinh doanh	Tỷ đồng	690,14
1.1. Doanh thu sản xuất quốc phòng	“	216,12
1.2. Doanh thu sản xuất kinh tế, thương mại	“	473,92
2. Các khoản thu nộp NS và nộp khác	“	50,00
3. Lợi nhuận	“	41,50
4. Thu nhập bình quân/người/tháng	Đồng	11.500.000
5. Cổ tức (dự kiến)	%	15 % trở lên (*)

(*) Theo văn bản số 277/TCHC-TM ngày 17/02/2022 của Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần v/v định hướng kế hoạch năm 2022 của Công ty CP 32, trong đó tỷ lệ cổ tức là 15%. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Bộ Tài chính và Bộ Quốc phòng v/v biểu quyết tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 của CTCP32, trong đó yêu cầu đảm bảo tỷ lệ chia cổ tức năm 2022 tương đương năm 2020,2021 là 22% (với điều kiện giữ nguyên vốn Điều lệ là 68 tỷ đồng, nếu tăng vốn Điều lệ thì tỷ lệ chia cổ tức năm 2022 sẽ được đảm bảo tương đương).

3. Biện pháp thực hiện

3.1. Công tác điều hành sản xuất.

- Tập trung sản xuất, nhập kho hàng quốc phòng theo các hợp đồng ký kết với CQN đúng thời gian quy định đồng thời cân đối nhu cầu, năng lực để sản xuất linh hoạt phục vụ tốt nhu cầu thị trường trong nước và kinh tế-xuất khẩu.

- Duy trì chế độ giao ban sản xuất, giao ban kỹ thuật để nắm bắt tình hình ở các đơn vị trong Công ty, có hướng xử lý kịp thời những phát sinh.

- Điều hành một cách hợp lý, linh hoạt; phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận trong việc thực hiện các kế hoạch sản xuất.

3.2. Công tác tổ chức quản lý

Đẩy mạnh công tác quảng cáo, tiếp thị, xây dựng thương hiệu nhằm tiêu thụ các sản phẩm hàng kinh tế nhất là các mặt hàng trang bị BHLĐ, DQTV, các sản phẩm giày da và các sản phẩm túi cặp, dây lưng...; duy trì sự ổn định của các khách hàng, thị trường truyền thống, tiếp tục đẩy mạnh khai thác, đa dạng hóa thị trường để mở rộng khả năng tiêu thụ sản phẩm trong và ngoài nước.

3.3. Công tác quản lý lao động tiền lương.

- Chăm lo, bảo đảm việc làm, thu nhập cho người lao động, giữ ổn định lao động đáp ứng yêu cầu sản xuất. Làm tốt công tác giáo dục tuyên truyền nhằm hạn chế biến động về lao động, đặc biệt là thời điểm sau tết Nguyên đán.

- Giải quyết chế độ chính sách cho người lao động đảm bảo chính xác, kịp thời theo quy định của pháp luật.

3.4. Công tác tài chính

- Tổ chức công tác hạch toán kế toán, ghi chép đầy đủ mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Quản lý chặt chẽ mọi nguồn vốn, cân đối, sử dụng nguồn vốn hợp lý và mang lại hiệu quả cho Công ty. Theo dõi chặt chẽ, chi tiết các khoản nợ phải thu, không để phát sinh nợ khó đòi.

- Thực hiện tốt chế độ kê khai báo cáo thuế đều đặn hàng tháng và lập hồ sơ báo cáo kê khai và nộp các loại thuế theo đúng quy định, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thu nộp với ngân sách Nhà nước và Tổng cục.

- Thực hiện công tác kiểm toán năm với Công ty Kiểm toán độc lập, quyết toán tài chính và tổng kết công tác tài chính năm 2021 với Tổng cục đúng thời gian quy định

3.5. Công tác quản lý đất quốc phòng; đầu tư, xây dựng cơ bản và hậu cần

* Công tác quản lý đất quốc phòng

- Tăng cường công tác quản lý đất đai, không để xảy ra tranh chấp, lấn chiếm.

- Tiếp tục phối hợp với các cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng, Tổng cục Hậu cần và địa phương để hoàn thiện phương án sử dụng đất quốc phòng; phương án xử lý tiếp tục thực hiện dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết theo Nghị quyết số 132/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc hội và Nghị định số 26/2021/NĐ-CP ngày 25/3/2021 của Chính phủ.

* Công tác đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm MMTB :

- Tiến hành cải tạo, mở rộng Văn phòng Công ty đảm bảo thời gian, tiến độ và chất lượng công trình.

- Khảo sát, lập kế hoạch trình Thủ trưởng Tổng cục hậu cần phê duyệt phương án đầu tư và triển khai thi công công trình xây dựng xưởng cán luyện và nhà kho XN32-5/Công ty cổ phần 32.

- Tiến hành chống dột nhà xưởng kho tàng, khơi thông hệ thống thoát nước trong Công ty. Kịp thời sửa chữa những hư hỏng nhà xưởng, kho tàng trong Công ty.

- Mua sắm máy móc thiết bị tiên tiến, thiết bị chuyên dụng nâng cao năng suất lao động, năng lực sản xuất, giảm giá thành sản phẩm tạo lợi thế cạnh tranh trên thị trường. Việc đầu tư cần phải phù hợp với nhu cầu sử dụng thực tế và mặt bằng xưởng cán luyện khu vực XN32-5 khi được đầu tư xây mới.

* Công tác Hậu cần:

- Tăng cường các biện pháp phòng chống dịch Covid-19, thực hiện nghiêm các chỉ thị của Chính phủ, địa phương về việc phòng chống dịch bệnh...

- Tăng cường kiểm tra, giám sát công tác phục vụ của nhà ăn nhằm nâng cao khẩu phần, chất lượng bữa ăn ca của người lao động, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ, người lao động trong toàn Công ty. Triển khai khảo sát, đánh giá tác động môi trường theo kế hoạch.

3.6. Công tác hành chính-văn phòng

- Phối hợp chặt chẽ với đơn vị bảo vệ chuyên nghiệp bố trí tuần tra canh gác nghiêm túc đảm bảo tuyệt đối an toàn trong đơn vị. Duy trì nghiêm túc các nội quy, quy chế của Công ty.

- Thường xuyên kiểm tra trang, thiết bị PCCN, bổ sung, sửa chữa kịp thời các dụng cụ bị mất mát, hư hỏng. Tuyên truyền giáo dục ý thức PCCN và huấn luyện kỹ năng PCCN cho người lao động.

- Làm tốt công tác văn thư, lưu trữ, bảo mật. Đảm bảo nhanh gọn, kịp thời, an toàn, chính xác, bí mật.

- Đảm bảo vệ sinh môi trường, mỹ quan trong khuôn viên Công ty.

3.7. Công tác sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp.

- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp đáp ứng ngày càng tốt hơn nhiệm vụ bảo đảm hậu cần cho quân đội.

- Kiến toàn biên chế tổ chức: Thực hiện đúng chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Quốc phòng, Tổng cục Hậu cần và Điều lệ Công ty, rà soát, xây dựng tổ chức biên chế cho phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh;

- Tuyển dụng, đào tạo nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ và nhân viên nghiệp vụ cho phù hợp với nhu cầu phục vụ cho sự phát triển của Công ty trước mắt và lâu dài; thực hiện luân chuyển cán bộ.

3.8. Công tác đảng, công tác chính trị.

Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng. Tiếp tục hưởng ứng các phong trào thi đua. Thực hiện quy chế làm việc, quy chế lãnh đạo các nhiệm vụ quan trọng của Đảng ủy Công ty. Đảng ủy, UBKT Đảng ủy Công ty kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng; các đảng bộ bộ phận kiểm tra, giám sát chi bộ và đảng viên theo Điều lệ Đảng. Duy trì có nền nếp sinh hoạt đối thoại theo quy định. Thực hiện nghiêm các chỉ thị, nghị quyết, quy định, hướng dẫn của trên về công tác tổ chức xây dựng Đảng. Thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ chính trị nội bộ; Lãnh đạo, chỉ đạo Đại hội Đoàn thanh niên và Công đoàn cơ sở nhiệm kỳ 2022-2027; tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức quần chúng, phát huy tính xung kích, sáng tạo của đoàn viên, hội viên trong thực hiện nhiệm vụ SX-KD và xây dựng Đảng bộ TSVM, Công ty VMTD./.

Nơi nhận:

- Văn phòng BQP;
- Cục Tài chính-BQP;
- Cục Kinh tế-BQP;
- Thủ trưởng TCHC;
- Thành viên HĐQT;
- Ban kiểm soát; các cổ đông.
- Lưu: VT, TC-KT. Nh12.

**T/M BAN ĐIỀU HÀNH
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Trung tá Ngô Thành Thắng

BÁO CÁO

Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị và đánh giá giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Hội đồng Quản trị trong năm qua đã luôn nêu cao vai trò trách nhiệm, tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2021, các cổ đông thể hiện sự đồng thuận nhất trí cao với các chỉ tiêu kế hoạch, phương hướng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2021. Chủ động đưa ra những chủ trương và giải pháp lãnh đạo hoàn thành tốt các chỉ tiêu, kế hoạch, nhiệm vụ SX-KD mà Đại hội đồng cổ đông năm 2021 đã quyết nghị. Sau Đại hội, Hội đồng quản trị và Ban Điều hành Công ty đã chỉ đạo các cơ quan khẩn trương triển khai các nội dung mà Đại hội cổ đông quyết nghị, thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo và chi trả cổ tức cho các cổ đông theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- HĐQT đã thực hiện công tác quản trị, quản lý và giám sát hoạt động của Công ty theo các quy định và phân cấp thẩm quyền của HĐQT. Trong năm 2021, HĐQT đã tổ chức 10 cuộc họp để chốt danh sách cổ đông được hưởng cổ tức năm 2020 và tạm ứng cổ tức năm 2021, thông qua chủ trương triển khai thi công cải tạo mặt đường bê tông nhựa nóng và bổ sung hồ ga thoát nước, thông qua việc tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế và trích từ quỹ khen thưởng phúc lợi để chi bổ sung lương cho CB, NLĐ.

- Hội đồng quản trị Công ty và Ban Kiểm soát phối hợp chặt chẽ, thường xuyên để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành. Duy trì thực hiện nghiêm chế độ báo cáo với UBCK Nhà nước, SGDCKHN, công khai các hoạt động của Công ty đến các cổ đông trên Website của Công ty.

2. Đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ công ty năm 2021:

- Doanh thu: $659,63 \text{ tỷ đồng} / 650,82 \text{ tỷ đồng} = 101,37 \% \text{ KH năm (so với cùng kỳ năm 2020 = 89,37\%)}$

- Lợi nhuận trước thuế: $41,75 \text{ tỷ đồng} / 41,17 \text{ tỷ đồng} = 101,4 \% \text{ KH năm (so với cùng kỳ năm 2020 = 82,54\%)}$

- Thu nộp ngân sách: $39,082 \text{ tỷ đồng} / 50,319 \text{ tỷ đồng} = 77,67\% \text{ KH năm (so với cùng kỳ năm 2020 = 75,75\%)}$

- Thu nhập bình quân: $10.810.774 \text{ đ}/10.500.000 \text{ đ/ng/tháng} = 102,95\%$
KH năm (so với cùng kỳ năm 2020 = 100,34%)

- Cổ tức : Dự kiến 22%.

- HĐQT luôn xác định nhiệm vụ sản xuất hàng quốc phòng là nhiệm vụ quan trọng nên đã chỉ đạo tập trung mọi nguồn lực đáp ứng yêu cầu đơn hàng của Cục Quân nhu về thời gian giao hàng và chất lượng sản phẩm; thực hiện nghiêm quy chế về sản xuất hàng Quốc phòng của Tổng cục. Chất lượng các sản phẩm quốc phòng do Công ty sản xuất ngày được nâng lên, được người sử dụng đánh giá cao. Phối hợp chặt chẽ với các nhà cung cấp nguyên liệu, các kho Cục Quân nhu và các đơn vị trong việc tiếp nhận nguyên liệu và giao thành phẩm đảm bảo yêu cầu sản xuất và cấp phát của các đơn vị.

- Đối với sản xuất hàng kinh tế, xuất khẩu và dịch vụ: Xác định đây là hướng đi lâu dài, nên HĐQT đã quyết nghị phải tập trung duy trì các khách hàng truyền thống và tích cực tìm kiếm mở rộng thị trường, khách hàng mới. Tích cực nghiên cứu mẫu mã để chào hàng cho thị trường và các đơn vị trang bị đồng phục. Ngoài các mặt hàng truyền thống, Công ty đã tiếp tục đầu tư, nghiên cứu làm chủ máy móc, công nghệ tiên tiến để sản xuất các sản phẩm mũi nhọn khác như dây lưng, túi cặp để tham gia đấu thầu các đơn hàng, tích cực tìm kiếm các đơn hàng xuất khẩu tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động. Chính vì vậy, mặc dù năm 2021 tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến kinh tế - xã hội của cả nước nhưng Công ty giữ vững được sự tăng trưởng ở mức cao so với các đơn vị cùng ngành, hoàn thành kế hoạch mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021 đã quyết nghị.

- Hội đồng Quản trị đã quan tâm chỉ đạo thực hiện có hiệu quả công tác quản trị, sắp xếp, luân chuyển cán bộ quản lý phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh ở các đơn vị và đề án “Chiến lược phát triển doanh nghiệp giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn 2030” của Công ty.

3. Đánh giá giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành

Hội đồng quản trị giám sát chặt chẽ mọi hoạt động của Ban điều hành trong việc thực hiện Điều lệ, các Nghị quyết/Quyết định, của ĐHĐCĐ và HĐQT, các nội quy, quy chế công ty do HĐQT ban hành.

Hàng quý, HĐQT nghe Ban Điều hành Công ty báo cáo kết quả SX-KD của Công ty, kịp thời chỉ đạo Công ty tháo gỡ khó khăn hoàn thành kế hoạch SX-KD đã đề ra. Hội đồng quản trị nghiên cứu báo cáo của Ban Kiểm soát để kịp thời chấn chỉnh hoạt động của Công ty vào nền nếp.

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2022

Trong bối cảnh tình hình dịch bệnh Covid-19 vẫn còn diễn biến phức tạp, khó lường với sự xuất hiện của những biến chủng mới đã và đang có những tác động tới nền kinh tế toàn cầu và nền kinh tế Việt Nam. Hội đồng quản trị Công ty đặt mục tiêu, định hướng và giải pháp thực hiện nhiệm vụ trong năm 2022 như sau:

1. Các chỉ tiêu chủ yếu

Tên các chỉ tiêu chủ yếu	Đvt	Kế hoạch 2022
1. Doanh thu sản xuất - kinh doanh	Tỷ đồng	690,136
2. Thu nộp ngân sách	“	49,993
3. Lợi nhuận	“	41,515
4. Thu nhập bình quân/người/tháng	Đồng	11.500.000
5. Cổ tức (dự kiến)	%	15% trở lên (*)

(*) Theo văn bản số 277/TCHC-TM ngày 17/02/2022 của Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần v/v định hướng kế hoạch năm 2022 của Công ty CP 32, trong đó tỷ lệ cổ tức là 15%. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Bộ Tài chính và Bộ Quốc phòng v/v biểu quyết tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 của CTCP32, trong đó yêu cầu đảm bảo tỷ lệ chia cổ tức năm 2022 tương đương năm 2020, 2021 là 22% (với điều kiện giữ nguyên vốn Điều lệ là 68 tỷ đồng, nếu tăng vốn Điều lệ thì tỷ lệ chia cổ tức năm 2022 sẽ được đảm bảo tương đương.)

2. Định hướng hoạt động năm 2022

- Tập trung thực hiện linh hoạt, hiệu quả mục tiêu phòng, chống dịch Covid-19 vừa tập trung sản xuất coi đây là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách của Công ty.

- Khai thác và sử dụng tốt mọi tiềm năng thế mạnh của Công ty về nguồn lực, máy móc thiết bị và nhà xưởng để nâng cao hiệu quả SX-KD.

- Tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị, khoa học công nghệ cho các ngành nghề trọng yếu, các sản phẩm mũi nhọn, đầu tư phát triển công nghiệp phụ trợ để chủ động trong sản xuất kinh doanh, chống hàng nhái, hàng giả. Nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và năng lực cạnh tranh.

- Chăm lo hơn nữa cho người lao động cùng với chính sách tiền lương tiền thưởng hợp lý và môi trường làm việc tốt nhất để giữ và ổn định lao động nhằm ổn định sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Đẩy mạnh phát triển hệ thống kênh phân phối, hình thức phân phối và hoàn chỉnh quy chế hoạt động thương mại của Công ty, tăng cường quảng bá hình ảnh và phát triển uy tín thương hiệu của Công ty đến người tiêu dùng trong và ngoài nước để phát triển thị phần tiêu thụ.

- Chấp hành nghiêm Pháp luật của Nhà nước, Luật Doanh nghiệp, các quy định của Quân đội, bổ sung hoàn thiện Điều lệ, quy chế nội bộ của Công ty.

- Chấp hành và thực hiện đúng các quy định, hướng dẫn của Bộ Quốc phòng và Tổng cục Hậu cần về sắp xếp và đổi mới tại doanh nghiệp.

- Công tác đổi mới và phát triển doanh nghiệp: Đánh giá các chương trình sản xuất kinh doanh và kết quả thực hiện “ Đề án chiến lược phát triển Công ty giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn 2030”. Xây dựng: “Chiến lược phát triển doanh nghiệp giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030” trình Thủ trưởng Tổng cục Hậu cần phê duyệt. Công ty luôn chấp hành và thực hiện đúng các quy

định, hướng dẫn của Bộ Quốc phòng và Tổng cục Hậu cần về sắp xếp và đổi mới doanh nghiệp.

Hội đồng quản trị kính đề nghị các quý cổ đông, cán bộ, người lao động tiếp tục đồng hành, đóng góp nhiều ý kiến, giải pháp để Công ty thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty đề ra./.

Nơi nhận:

- Văn phòng BQP;
- Cục Tài chính-BQP;
- Cục Kinh tế-BQP;
- Thủ trưởng TCHC;
- Thành viên HĐQT;
- Ban kiểm soát, các cổ đông;
- Lưu: VT; Nh12.



Nguyễn Thế Anh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT NĂM 2021

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

DVT : Đồng

Stt	Nội dung	Số cuối năm	Số đầu năm
I	Tổng tài sản	528.130.895.998	488.295.453.917
1	Tài sản ngắn hạn	401.956.113.112	356.691.280.424
	- Tiền và đầu tư ngắn hạn	97.299.243.376	44.359.080.786
	- Các khoản phải thu	112.325.433.320	121.819.457.695
	- Hàng tồn kho	192.225.986.980	190.450.695.083
	- Tài sản ngắn hạn khác	105.449.436	62.046.860
2	Tài sản dài hạn	126.174.782.886	131.604.173.493
	- Các khoản phải thu dài hạn		
	- Tài sản cố định	114.253.527.600	119.638.693.791
	- Tài sản dở dang dài hạn	808.290.909	672.559.925
	- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10.572.570.000	10.572.570.000
	- Tài sản dài hạn khác	540.394.377	720.349.777
II	Nguồn vốn	528.130.895.998	488.295.453.917
1	Nợ phải trả	289.745.705.674	246.078.511.317
	- Nợ ngắn hạn	289.745.705.674	246.078.511.317
	- Nợ dài hạn		
2	Nguồn vốn CSH	238.385.190.324	242.216.942.600
	- Vốn chủ sở hữu	238.057.190.324	242.222.852.600
	- Nguồn kinh phí và quỹ khác	328.000.000	(5.910.000)

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

DVT : Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020
1	Tổng doanh thu	659.631.570.169	738.058.563.978
2	Tổng chi phí	617.881.574.241	687.475.486.843
3	Lợi nhuận trước thuế	41.749.995.928	50.583.077.135
4	Thuế thu nhập phải nộp	7.140.739.186	8.476.049.967
5	Lợi nhuận sau thuế	34.609.256.742	42.107.027.168
6	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.134,00	4.058,00

TP. HCM, Ngày 21 tháng 03 năm 2022

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Thế Anh

Số: 42 /2022/BCKT-AVI-TC1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban điều hành
Công ty Cổ phần 32**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần 32 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 05/03/2022 và được trình bày từ trang số 05 đến trang số 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Hàng năm, Công ty thực hiện nghĩa vụ về tiền sử dụng đất quốc phòng và ghi nhận chi phí tiền sử dụng đất vào kết quả kinh doanh từng năm tài chính. Theo Công văn số 69/CKT-KSV ngày 10/01/2022 của Cục Kinh tế - Bộ Quốc phòng V/v rà soát, xác định tiền sử dụng đất quốc phòng; ngày 18/01/2022, đoàn công tác của Bộ Quốc phòng đã làm việc với Công ty để xác định số tiền sử dụng đất Công ty phải nộp từ năm 2018 đến năm 2021. Theo biên bản làm việc giữa hai bên, tiền sử dụng đất phải nộp bổ sung của năm 2021 và từ năm 2018 đến năm 2020 với số tiền lần lượt là 2.778.992.292 đồng và 8.591.518.067 đồng. Trong việc lập báo cáo tài chính năm 2021, Công ty đã hạch toán vào chi phí số tiền sử dụng đất nộp bổ sung của năm 2021 khoảng 2,7 tỷ đồng và kiến nghị Bộ Quốc phòng không truy thu số tiền sử dụng đất từ năm 2018 đến năm 2020. Tuy nhiên, đến thời điểm lập báo cáo tài chính kèm theo Bộ Quốc phòng chưa có ý kiến đồng ý điều chỉnh giảm tiền sử dụng đất từ năm 2018 đến năm 2020. Trong trường hợp Bộ Quốc phòng vẫn truy thu tiền sử dụng đất quốc phòng từ năm 2018 đến năm 2020 thì kết quả kinh doanh của Công ty có thể giảm số tiền khoảng 8,591 tỷ đồng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần 32 tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được kiểm toán bởi Kiểm toán viên khác. Tại Báo cáo kiểm toán số 56-21/BC-TC/VAE ngày 02/03/2021, Kiểm toán viên trình bày ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.



Vũ Bình Minh
Tổng giám đốc
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0034-2018-055-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2022

Tạ Thị Thắm
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 3676-2021-055-1

CÔNG TY CỔ PHẦN 32

DỰ KIẾN PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2021

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021
1	Tổng doanh thu trong kỳ	659.631.570.169
2	Tổng chi phí trong kỳ	617.881.574.241
3	Tổng Lợi nhuận trước thuế	41.749.995.928
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.092.039.186
5	Lợi nhuận sau thuế	34.657.956.742
6	Trừ các khoản phải trừ từ LN sau thuế	-
7	Lợi nhuận phân phối năm 2021	34.657.956.742
8	Lợi nhuận từ năm 2020 trở về trước còn lại	23.666.232.496
9	Tổng lợi nhuận phân phối (9=7+8)	58.324.189.238
10	Dự kiến trích lập các quỹ và chia cổ tức	58.324.189.238
10.1	Trích quỹ thưởng của NQL	361.364.217
10.2	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	32.802.825.021
10.3	Dự kiến chia cổ tức 2021(37%) = 3.700 đ/CP(Tổng số CP: 6.800.000 CP	25.160.000.000
11	Lợi nhuận để lại chia năm sau (11=9-10)	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 6 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU


Đặng Kiều Oanh

KẾ TOÁN TRƯỞNG


Trần Thị Bình



Số: 176/BC-CTCP

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO

Quỹ lương thực hiện, tổng mức thù lao, thưởng cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021 và kế hoạch năm 2022

Căn cứ Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Công ty cổ phần 32 báo cáo quỹ lương thực hiện, tổng mức thù lao, thưởng cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021 và kế hoạch năm 2022 như sau:

I. QUỸ LƯƠNG THỰC HIỆN

1. Quỹ lương Người quản lý Công ty

a) Nhân sự quản lý năm 2021 của Công ty gồm:

- Chủ tịch Hội đồng Quản Trị: 01 người
- Tổng Giám đốc: 01 người
- Phó Tổng Giám đốc: 01 người
- Kế toán trưởng: 01 người
- Trưởng Ban kiểm soát: 01 người
- Thành viên Ban kiểm soát: 02 người

b) Tổng quỹ lương thực hiện

Quỹ lương năm 2021 chi trả cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng Ban kiểm soát, Thành viên Ban kiểm soát là: 3.010.913.736 đồng (bao gồm cả thù lao của người quản lý không chuyên trách).

2. Quỹ lương người lao động Công ty

Lao động thực tế sử dụng bình quân: 1.098 người.

Quỹ lương chi trả cho người lao động năm 2021 là: 127.956.765.820 đồng.

II. QUỸ LƯƠNG KẾ HOẠCH NĂM 2022

1. Quỹ lương, thưởng kế hoạch của người quản lý Công ty

a) Nhân sự quản lý của Công ty năm 2022 gồm:

- Chủ tịch Hội đồng Quản Trị: 01 người
- Tổng Giám đốc: 01 người
- Phó Tổng Giám đốc: 01 người
- Kế toán trưởng: 01 người
- Trưởng Ban kiểm soát: 01 người
- Thành viên Ban kiểm soát: 02 người

b) Tổng quỹ lương kế hoạch của người quản lý Công ty là: **2.712.000.000 đồng**. Trong đó thù lao của:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị : 7.000.000 đồng/tháng
- Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị : 6.000.000 đồng/tháng
- Thành viên Hội đồng quản trị: 5.000.000 đồng/tháng
- Trưởng Ban kiểm soát: 5.000.000 đồng/tháng
- Thành viên Ban kiểm soát: 3.000.000 đồng/tháng

c) Quỹ thưởng kế hoạch

Quỹ tiền thưởng của người quản lý mức tối đa = 1,0 tháng tiền lương thực hiện khi lợi nhuận Công ty thực hiện bằng hoặc cao hơn kế hoạch là: **226.000.000 đồng**.

2. Quỹ thù lao của người quản lý không chuyên trách

Quỹ thù lao kế hoạch năm 2022 của 02 người quản lý không chuyên trách là: **120.000.000 đồng**.

3. Quỹ lương kế hoạch năm 2022 của người lao động

Lao động kế hoạch năm 2022 là: 1.193 người (không bao gồm người quản lý).

Tiền lương bình quân năm kế hoạch được xác định là: **9.513.953 đồng**.

Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2022 của người lao động là: **136.201.758.287 đồng.**

Tổng quỹ tiền lương, thưởng toàn Công ty năm 2022 là: **139.259.758.287 đồng.**

(Một trăm ba mươi chín tỷ hai trăm năm mươi chín triệu bảy trăm năm mươi tám ngàn hai trăm tám mươi bảy đồng).

Trên đây là toàn bộ quỹ tiền lương thực hiện năm 2021 và kế hoạch năm 2022 của Công ty cổ phần 32././.

Nơi nhận:

- Các cơ quan liên quan;
- Lưu: VT, TC-HC. Hi03.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Thế Anh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Kính thưa Quý Cổ đông Công ty cổ phần 32!

- Căn cứ Điều 170 Luật Doanh nghiệp 2020, quy định quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát trong công ty cổ phần;

- Căn cứ Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ, quy định Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên;

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần 32 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 08/01/2008 và sửa đổi 04 lần qua các năm 2014, 2017, 2018 và 2021 quy định quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát;

- Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần 32 năm 2021;

Ban Kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông các nội dung như sau:

PHẦN I: HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2021, Ban Kiểm soát đã thực hiện công tác giám sát theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

- Ban Kiểm soát đã lập kế hoạch kiểm soát định kỳ theo quý, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên; gặp gỡ, trao đổi, phối hợp nắm bắt tình hình; nghiên cứu các tài liệu, đánh giá kết quả hoạt động trên tinh thần khách quan, dân chủ, vì mục tiêu phát triển của Công ty, đảm bảo quyền lợi chính đáng cho các cổ đông và người lao động.

- Thực hiện việc giám sát Hội đồng quản trị, Ban Điều hành Công ty trong việc quản lý, điều hành Công ty và thực hiện các nghị quyết, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch mua sắm và đầu tư...

- Kiểm tra tính hợp lý, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

- Thẩm định báo cáo tài chính đã được kiểm toán nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của số liệu tài chính.

- Xem xét việc tuân thủ, chấp hành các quy định về đảm bảo an toàn, các rủi ro tiềm ẩn trong môi trường kinh doanh. Thực hiện quyền và nhiệm vụ khác theo quy định.

PHẦN II: KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH, QUẢN TRỊ ĐIỀU HÀNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

1/ Thẩm định Báo cáo tài chính Công ty

1.1/ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2021, Công ty tiếp tục nhận được sự quan tâm, giúp đỡ, tạo điều kiện của Bộ Quốc phòng và Tổng cục Hậu cần, nhất là về các đơn hàng quốc phòng trong bối cảnh đặc biệt khó khăn do đại dịch Covid-19 gây ra. Cùng với đó, Công ty tiếp tục duy trì được các đơn hàng truyền thống với Bộ Công an, Toà án, Quân đội Hoàng gia Campuchia... góp phần giúp Công ty giữ vững ổn định tình hình đơn vị, nâng cao thu nhập cho người lao động và đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông.

Do đại dịch Covid-19 bùng phát trong khu vực và trên thế giới, các chuỗi cung ứng bị đứt gãy, giá cả vật tư, nguyên liệu, chi phí vận chuyển... đều tăng cao. Tại khu vực TP.HCM, đợt dịch bùng phát lần thứ 4, thành phố áp dụng Chỉ thị 16⁺ cách ly nghiêm ngặt toàn xã hội trong thời gian dài (từ 27/4 đến 30/9) đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống, kinh tế, xã hội; mọi hoạt động kinh doanh đều ngưng trệ, sức mua trên thị trường giảm mạnh.

Trước thực trạng khó khăn đó, Hội đồng quản trị, Ban Điều hành Công ty đã nỗ lực thực hiện hàng loạt các giải pháp mang tính đồng bộ: thích ứng với dịch bệnh, linh hoạt trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh; xử lý vô số các tình huống phát sinh chưa có trong tiền lệ do dịch bệnh gây ra; tổ chức sản xuất theo phương án “3 tại chỗ” làm 02 đợt để duy trì chuỗi cung ứng, đáp ứng tiến độ giao hàng, bù đắp một phần doanh thu thiếu hụt và cải thiện thu nhập cho người lao động.

Tại khu vực sản xuất giày vải dán hấp (Xí nghiệp 32-5), là khu vực chịu ảnh hưởng lớn nhất từ đại dịch Covid-19 do phải ngưng sản xuất trong nhiều ngày và không thể tổ chức sản xuất “3 tại chỗ” đợt 2. Các đối tác khách hàng và các nhà cung cấp hầu hết đều là nước ngoài nên việc nhập khẩu vật tư, nguyên liệu và xuất thành phẩm đi các nước gặp nhiều khó khăn; cước vận tải biển tăng phi mã do thiếu cont rỗng. Xí nghiệp 32-5 đã rất nỗ lực trong sắp xếp nhân lực, tổ chức làm tăng ca, thêm giờ và làm “3 tại chỗ” đợt 1. Kết thúc năm, sản lượng giày mà Xí nghiệp đạt được là 523.025 đôi, tương ứng 81,1% kế hoạch năm; tuy nhiên, so với năm 2020, sản lượng năm 2021 đạt tới 107,5% đã mang đến những tín hiệu khả quan cho khu vực này.

Năm 2021, với sự quan tâm giúp đỡ, tạo điều kiện của các cơ quan cấp trên, sự đoàn kết, thống nhất, chủ động khắc phục khó khăn của tập thể HĐQT-

BĐH và CB, NV-NLĐ trong toàn Công ty, kết thúc năm Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra với kết quả cụ thể như sau:

a/ So sánh kết quả thực hiện năm 2021 với kế hoạch năm:

SỐ TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2021	Tỷ lệ TH/KH
A	B	1	2	$3 = 1/2 \cdot 100$
1	Tổng doanh thu	659.631.570.169	650.821.523.000	101,35%
	- DT sản xuất QP	178.666.852.417	245.372.057.000	72,81%
	- DT sản xuất KT, XK, KDTM, TC	480.964.717.752	405.449.466.000	118,63%
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	41.749.995.928	41.173.093.000	101,40%
3	Thu nộp ngân sách	46.711.686.084	55.868.090.817	83,61%
4	Thu nhập b/q: đồng/người/tháng	10.810.774	10.500.000	102,96%

b/ So sánh các chỉ tiêu cơ bản năm 2021 với năm 2020:

SỐ TT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020	Tăng/giảm	
				Giá trị	Tỷ lệ
A	B	1	2	$3 = 1-2$	$4 = 3/2 \cdot 100$
1	Tổng doanh thu	659.631.570.169	738.058.563.978	-78.426.993.809	-10,63%
2	Tổng chi phí	617.881.574.241	687.475.486.843	-69.593.912.602	-10,12%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	41.749.995.928	50.583.077.135	-8.833.081.207	-17,46%
4	Thuế thu nhập DN	7.140.739.186	8.476.049.967	-1.335.310.781	-15,75%
5	Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN	34.609.256.712	42.107.027.168	-7.497.770.426	-17,81%

1.2/ Tình hình tài chính

a/ Biến động tài sản:

SỐ TT	Chỉ tiêu	31.12.2021	01.01.2021	Tăng/giảm	
				Giá trị	Tỷ lệ
1	2	3	4	$5 = 3-4$	$6 = 5/4 \cdot 100$
A	Tài sản ngắn hạn	401.956.113.112	356.691.280.424	45.264.832.688	12,69%
B	Tài sản dài hạn	126.174.782.886	131.604.173.493	-5.429.390.607	-4,13%
	Tổng tài sản	528.130.895.998	488.295.453.917	39.835.442.081	8,16%

b/ Biến động nguồn vốn:

SỐ TT	Chỉ tiêu	31.12.2021	01.01.2021	Tăng/giảm	
				Giá trị	Tỷ lệ
1	2	3	4	5 = 3-4	6 = 5/4*100
A	Nợ phải trả	289.745.705.674	246.078.511.317	43.667.194.357	17,75%
B	Vốn chủ sở hữu	238.385.190.324	242.216.942.600	-3.831.752.276	-1,58%
	Tổng nguồn vốn	528.130.895.998	488.295.453.917	39.835.442.081	8,16%

c/ Phân tích một số chỉ số tài chính cơ bản:

Số TT	Chỉ số	31.12.2021	01.01.2021
1	Chỉ số về khả năng thanh toán		
	Chỉ số thanh toán hiện hành (TSNH/ Nợ ngắn hạn)	1,39	1,45
	Chỉ số thanh toán nhanh (TSNH - HTK)/ Nợ ngắn hạn	0,72	0,68
2	Chỉ số về đòn bẩy tài chính		
	Nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu	1,22	1,02
	Vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	0,45	0,50
3	Chỉ số về khả năng sinh lời, hiệu suất sử dụng vốn		
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	5,32%	5,78%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	6,55%	8,62%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	14,52%	17,38%
4	Chỉ số bảo toàn vốn (Vốn CSH kỳ này/ Vốn CSH kỳ trước)	0,98	1,08

d/ Đánh giá tình hình tài chính năm 2021:

Qua kiểm tra báo cáo tài chính năm 2021 bao gồm: bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, bản thuyết minh báo cáo tài chính, Ban Kiểm soát nhận thấy các báo cáo này được lập một cách trung thực và hợp lý, phản ánh đúng đắn tình hình tài chính của Công ty, tuân thủ nghiêm Luật Kế toán và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Việc thực thi các quy định Pháp luật về thuế, chính sách tiền lương, tiền thưởng, đóng BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động cũng như việc chi trả cổ tức cho cổ đông được thực hiện nghiêm chỉnh và đầy đủ.

Trong điều kiện khó khăn do dịch bệnh Covid-19 bùng phát lần thứ 4 tại khu vực TP.HCM, Hội đồng quản trị, Ban Điều hành đã lãnh đạo, điều hành Công ty hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra trong năm. Thương hiệu, uy tín hàng hoá của Công ty được giữ vững, chất lượng hàng kinh tế tiêu thụ nội địa đảm bảo, lượng thành phẩm tồn kho cuối năm giảm so với năm 2020 trên 25 tỷ đồng, tương ứng giảm 22,74%, đó là sự cố gắng, nỗ lực phấn đấu rất đáng được

ghi nhận. Đời sống, chế độ chính sách của người lao động được đảm bảo; tỷ lệ thu nhập bình quân đạt 102,96% kế hoạch năm. Tình hình tài chính Công ty lành mạnh.

Tuy nhiên, so với năm 2020, các chỉ tiêu cơ bản năm 2021 đều giảm cả về tỷ lệ lẫn giá trị, làm cho các chỉ số về khả năng sinh lời và hiệu suất sử dụng vốn đều giảm theo. Chỉ số bảo toàn vốn giảm 2% so với năm 2020.

2/ Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Điều hành Công ty

Năm 2021, Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong công tác quản trị, điều hành các hoạt động, nhất là hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty cũng đã điều động, luân chuyển, bổ nhiệm một số vị trí cán bộ, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ, phù hợp với điều kiện thực tế. Qua quá trình giám sát, Ban Kiểm soát nhận thấy Hội đồng quản trị, Ban Điều hành Công ty đã rất nỗ lực và chủ động trong việc khắc phục những khó khăn. Các hoạt động của Công ty đều tuân thủ các quy định của Pháp luật, Luật Doanh nghiệp, quy định của Bộ Quốc phòng và Điều lệ của Công ty.

Hội đồng quản trị tiến hành họp và ra nghị quyết định kỳ theo quy định. Ban Điều hành Công ty thường xuyên tổ chức Hội ý chỉ huy và Giao ban Công ty. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành Công ty đã ban hành đều đúng quy định, luôn bám sát tình hình thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đảm bảo tính dân chủ và thống nhất cao. Việc triển khai, thực hiện các nghị quyết, quyết định, quy chế, quy định của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành Công ty đều nghiêm túc, mang lại hiệu quả thiết thực cho Công ty.

PHẦN III: ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY VÀ CỔ ĐÔNG

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và Chỉ huy các đơn vị trong Công ty được thực hiện chặt chẽ, theo sát Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Hoạt động của Ban Kiểm soát được đảm bảo tính khách quan và độc lập. Ban Kiểm soát được cung cấp các văn bản, tài liệu cần thiết trong quá trình giám sát các hoạt động của Công ty. Các kiến nghị, đề xuất của Ban Kiểm soát đều được Hội đồng quản trị, Ban Điều hành Công ty xem xét, chỉ đạo các đơn vị liên quan nghiêm túc thực hiện.

PHẦN IV: PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022 VÀ CÁC KIẾN NGHỊ

1/ Phương hướng hoạt động

Bám sát các nội dung của Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022, căn cứ Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2022, Ban Kiểm soát sẽ tập trung thực hiện các nhiệm vụ sau:

Phòng ban chức năng cần tích cực, chủ động hơn trong công tác tham mưu với Chỉ huy và phối hợp với các đơn vị. Các Xí nghiệp sản xuất cần tích cực phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, áp dụng các biện pháp thúc đẩy tăng năng suất lao động và thực hành tiết kiệm, mang lại hiệu quả cao cho Công ty.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021 và phương hướng hoạt động năm 2022.

Xin trân trọng cảm ơn và kính chào!

Nơi nhận:

- HĐQT, Ban Điều hành Công ty;
- Ban Kiểm soát.

**T/M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Hà Ngọc Oanh

**CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP
GIAI ĐOẠN 2021-2025, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Tổng cục Hậu cần nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ hướng dẫn số 2106/HC-TM ngày 30/10/2020 của Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần về việc xây dựng kế hoạch năm 2021 và Chiến lược phát triển doanh nghiệp giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết phương hướng, nhiệm vụ lãnh đạo của Đại hội Đảng bộ Công ty cổ phần 32 lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty nhiệm kỳ 2018-2023;

Căn cứ kết quả thực hiện các mục tiêu kế hoạch giai đoạn 2016-2020, dự báo tình hình kinh tế- xã hội giai đoạn 2021-2025 và những năm tiếp theo.

Công ty cổ phần 32 xây dựng Chiến lược phát triển doanh nghiệp giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030 với các nội dung sau:

Phần I

KHÁI QUÁT CHUNG

**I. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN, CHỨC NĂNG
NHIỆM VỤ, NGÀNH NGHỀ KINH DOANH**

1. Quá trình hình thành và phát triển

1.1. Những thông tin chung

- Tên Công ty bằng tiếng Việt : CÔNG TY CỔ PHẦN 32.
- Tên Công ty bằng tiếng Anh : 32 JOINT STOCK COMPANY
- Tên Công ty viết tắt : 32 JSC.
- Trụ sở chính : Số 170 Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

ĐT: 028.38941235

Fax: 028.38940279

Email: congtycp32@32jsc.com

Website: www.congtycp32.com

- Ngày thành lập: ngày 22/04/1980.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần; Mã số doanh nghiệp: **0300517896** đăng ký lần đầu ngày 22/01/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 20/02/2020 do Phòng đăng ký kinh doanh/Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp (*Được chuyển thể từ Doanh nghiệp Nhà nước: Công ty 32, số ĐKKD 4106000178 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 06/6/2006*)

- Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần theo Quyết định số 2799/QĐ-BQP ngày 03/10/2007 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty 32 thuộc Tổng cục Hậu cần thành công ty cổ phần.

- Vốn điều lệ : 68.000.000.000 đồng (*Sáu mươi tám tỷ đồng*).

Trong đó: Vốn Nhà nước 34.680.000.000 đồng (Ba mươi tư tỷ, sáu trăm tám mươi triệu đồng) bằng 51%.

1.2. Các sự kiện quan trọng liên quan đến đầu tư, chuyển đổi mô hình tổ chức hoạt động

- Công ty cổ phần 32 là doanh nghiệp được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng cục Hậu cần/Bộ Quốc phòng theo Quyết định số 1357/QĐ-BQP ngày 01/7/2005 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

- Ngày 22/4/1980, Xí nghiệp 32 được thành lập theo Quyết định số 83/QĐ-H16 của Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần với nhiệm vụ là sản xuất các mặt hàng tạp trang như ba lô, mũ cứng, mũ lưỡi trai, thắt lưng, quân hiệu, giày vải trang bị cho bộ đội. Tổ chức biên chế bao gồm Ban Giám đốc, 11 phòng ban và 05 phân xưởng sản xuất.

- Giai đoạn 1980-1985: Xí nghiệp chủ yếu tập trung hoạt động theo nhiệm vụ trên giao là sản xuất nhóm sản phẩm tạp trang phục vụ các đơn vị đóng quân trên địa bàn phía Nam, ngoài ra tiếp tục thực hiện nhiệm vụ quốc tế giúp bạn Lào và Campuchia.

- Giai đoạn 1986-1991: Tiếp tục đẩy mạnh sản xuất quốc phòng, tham gia công xuất khẩu cho Liên Xô, Tiệp Khắc theo Nghị định thư của Chính phủ, từng bước xây dựng, phát triển Xí nghiệp theo đường lối đổi mới của Đảng.

- Giai đoạn 1992-1997: Xí nghiệp X32 được đổi tên thành Công ty giày-may 32 trực thuộc Tổng cục Hậu cần theo Quyết định số 85A/QĐ-QP ngày 22/02/1992 của Bộ Quốc phòng, trở thành doanh nghiệp Nhà nước, có tư cách pháp nhân và hạch toán độc lập, là cơ sở pháp lý tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện việc ký kết các hợp đồng kinh tế, hợp tác, liên doanh liên kết với các doanh nghiệp trong và ngoài nước, thu hút vốn đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất. Trong thời gian này, ngoài việc thực hiện nhiệm vụ chính trị trọng tâm của đơn vị là sản xuất hàng quốc phòng, Công ty đã huy động các nguồn vốn để phát triển sản xuất hàng gia công, xuất khẩu giày dép với Đài Loan, Hàn Quốc, áo Jacket, túi xách, cũng như tham gia sản xuất, phát triển thị trường nội địa để tận dụng các nguồn lực sẵn có (lao động, mặt bằng), nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Giai đoạn 1998-2007: Để phù hợp với việc phát triển, mở rộng ra các lĩnh vực sản xuất kinh doanh khác ngoài ngành giày-may, Công ty giày-may 32 đã thực hiện việc kiện toàn và đổi tên thành Công ty 32 theo Quyết định số

1718/QĐ-QP ngày 08/12/1997 của Bộ Quốc phòng. Giai đoạn này ngoài việc tiếp tục đảm bảo nhiệm vụ sản xuất hàng quốc phòng, đẩy mạnh nhiệm vụ sản xuất hàng gia công, xuất khẩu, Công ty đã từng bước phát triển, đẩy mạnh việc sản xuất, quảng bá thương hiệu để phát triển thị trường nội địa, làm tiền đề cho việc chấm dứt phương thức gia công (đến thời kỳ hiệu quả không cao) chuyển sang sản xuất hàng tự doanh.

- Năm 1993, Công ty 32 thành lập Văn phòng và cửa hàng giao dịch, giới thiệu sản phẩm tại Hà Nội; năm 2002 thành lập Chi nhánh Công ty tại Đắk Lắk (Quyết định số 61/2002/QĐ-BQP ngày 29/4/2002 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc thành lập hai chi nhánh của Công ty 32- Tổng cục Hậu cần); năm 2005, Công ty thành lập Xí nghiệp Thương mại để thực hiện việc phát triển thị trường và tiêu thụ hàng kinh tế của Công ty.

- Từ năm 2004 Công ty đã xây dựng và đưa vào áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000. Năm 2015 nâng cấp hệ thống quản lý chất lượng ISO9001:2008 lên ISO9001:2015 trong toàn Công ty.

- Năm 2008, Công ty 32 chuyển đổi thành Công ty cổ phần 32 hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần theo Quyết định số 2799/QĐ-BQP ngày 03/10/2007 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

- Trải qua 40 năm xây dựng và phát triển, từ một Xí nghiệp quy mô nhỏ, cơ sở vật chất lạc hậu, Công ty cổ phần 32 đã từng bước xây dựng, trưởng thành, trở thành một đơn vị hàng đầu của ngành sản xuất quân nhu và là một trong 5 doanh nghiệp tiêu biểu toàn diện ngành da giày Việt Nam do Bộ Công thương bình chọn (2010). Công ty cổ phần 32 cũng đã vinh dự được Đảng, Nhà nước trao tặng Huân chương Chiến công hạng Nhất (1989), Huân chương Chiến công hạng Ba (1990), Huân chương Lao động hạng Ba (2000), Huân chương Lao động hạng Nhất (2005), Huân chương Độc lập hạng Ba (2010), Huân chương Độc lập hạng Nhì (2015). Đặc biệt năm 2020, nhân kỷ niệm 40 năm ngày truyền thống Công ty, Công ty cổ phần 32 đã vinh dự được Chủ tịch nước trao tặng Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng Nhất cho Công ty do *“Đã có thành tích xuất sắc trong huấn luyện, phục vụ chiến đấu, xây dựng lực lượng Quân đội nhân dân, củng cố quốc phòng từ năm 2014 đến năm 2018, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc”*. Ngoài ra, Công ty nhiều lần được Bộ Quốc phòng, Tổng cục Hậu cần tặng cờ thi đua, nhiều lần được Bộ Công thương, UBND Tp.Hồ Chí Minh tặng bằng khen, giấy khen vì có nhiều đóng góp vào sự phát triển chung.

2. Chức năng, nhiệm vụ

2.1. Chức năng

Công ty cổ phần 32 thực hiện sản xuất kinh doanh với hai chức năng chủ yếu như sau:

- Thực hiện nhiệm vụ sản xuất hàng phục vụ nhu cầu quốc phòng, an ninh
- Tham gia sản xuất hàng kinh tế- xuất khẩu, phục vụ nhu cầu dân sinh, đảm bảo kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn.

2.2. Nhiệm vụ

a) Nhiệm vụ quốc phòng

Công ty cổ phần 32 được Thủ trưởng Bộ Quốc phòng, Thủ trưởng Tổng cục Hậu cần giao nhiệm vụ sản xuất đảm bảo các mặt hàng giày, dép, mũ, ba lô, túi lót ba lô, tăng vinilon, áo mưa bộ, phù cấp hiệu..., cho các đơn vị phía Nam từ đèo Hải Vân trở vào. Ngoài kế hoạch thường xuyên, Công ty còn được giao nhiệm vụ sản xuất đột xuất theo yêu cầu của Cục Quân nhu/Tổng cục Hậu cần đảm bảo cho bộ đội, đáp ứng yêu cầu phục vụ nhiệm vụ Quốc phòng trong mọi tình huống.

b) Nhiệm vụ sản xuất kinh tế.

Đảm bảo việc sản xuất có lãi, bảo toàn và phát triển vốn. Tích cực tìm kiếm, phát triển thị trường xuất khẩu và tiêu thụ nội địa để tận dụng, khai thác hiệu quả những nguồn lực sẵn có nhằm đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0300517896 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/01/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 20/02/2020. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty cổ phần 32 gồm:

+ Công nghiệp may, sản xuất giày dép, may trang phục, sản xuất sản phẩm từ da lông thú; sản xuất giày dép, dây lưng, va ly, túi xách, ví bóp và các sản phẩm tương tự.

+ Công nghiệp nhựa.

+ Sản xuất - kinh doanh, gia công xuất khẩu các sản phẩm, nguyên phụ liệu, thiết bị phụ tùng, ... trong lĩnh vực, ngành nghề thuộc công nghiệp may, da giày, nhựa và một số tạp trang phục vụ nhu cầu quốc phòng - an ninh, bảo hộ lao động, đồng phục và cung cấp cho thị trường trong nước, nước ngoài.

+ Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng, kho bãi, nhà xưởng; buôn bán máy móc, thiết bị phụ tùng trong lĩnh vực, ngành nghề thuộc công nghiệp may, da giày, nhựa.

II. TỔ CHỨC, BIÊN CHẾ

1. Cơ cấu tổ chức

1.1. Cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành.

Theo Điều lệ Công ty đã được đại hội cổ đông lần đầu thông qua ngày 08/01/2008, sửa đổi bổ sung lần 4 tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2021. Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty gồm:

a) Đại hội đồng cổ đông;

b) Hội đồng quản trị;

c) Ban kiểm soát/Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị;

d) Tổng giám đốc.

- Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Quyền và nhiệm vụ của đại hội cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty.

- Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.

- Ban kiểm soát, các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại các Điều 165, 166, 167 của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị là người Đại diện pháp luật của Công ty, có quyền điều hành và quyết định các mặt hoạt động của Công ty cổ phần 32 theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

- Tổng giám đốc chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và nghị quyết Hội đồng quản trị quy định.

- Giúp việc cho Chủ tịch hội đồng quản trị là Tổng giám đốc và 01 Phó Tổng giám đốc, điều hành và quản lý từng lĩnh vực được phân công. Cụ thể:

+ Tổng giám đốc phụ trách công tác điều hành sản xuất, kỹ thuật, đầu tư MMTB, thị trường và một số công tác khác khi được ủy quyền.

+ Phó Tổng giám đốc phụ trách công tác : hành chính, hậu cần, doanh trại, văn thư; lao động, tiền lương; duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo quy trình ISO; quản lý, sử dụng đất quốc phòng; đầu tư xây dựng cơ bản; xuất nhập khẩu và một số công tác khác khi được ủy quyền.

- Công ty hiện có 04 phòng chức năng, tham mưu, giúp việc cho Ban Điều hành trong công tác điều hành và quản lý Công ty bao gồm: Phòng Sản xuất-Kinh doanh; Kỹ thuật-Công nghệ; Tài chính-Kế toán; Tổ chức-Hành chính và 08 đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty gồm: Xí nghiệp 32-1; Xí nghiệp 32-3; Xí nghiệp 32-5; Xí nghiệp 32-7; Xí nghiệp Thương mại; Chi nhánh Hà Nội; Chi nhánh Đắk Lắk và Cửa hàng giới thiệu sản phẩm.

1.2. Điểm mạnh của mô hình tổ chức hiện tại.

- Bộ máy quản lý được thiết lập trực tuyến, không có trung gian nên lực lượng lao động gián tiếp chiếm tỷ lệ thấp trong cơ cấu lao động của Công ty.

- Cơ cấu tổ chức bộ máy của Công ty tương đối khoa học, rõ ràng và linh hoạt đã tạo được một hành lang pháp lý chung cho các đơn vị hoạt động, đảm bảo phát huy tốt tính chủ động sáng tạo và tính hiệu quả của các cá nhân, đơn vị trong Công ty. Chức năng nhiệm vụ cụ thể của từng đơn vị được xác định rõ ràng và hoạt động của Công ty được vận hành theo bộ quy chế quản lý nội bộ của Công ty và được sửa đổi, bổ sung hàng năm.

2. Cơ cấu lao động

Tính đến thời điểm ngày 31/12/2020, tổng quân số của Công ty là 1.235 người, trong đó:

- Theo giới tính: nam giới là 482 người và nữ giới là 753 người;
- Theo đối tượng: 03 Sỹ quan và 01 QNCN.
- Theo trình độ đào tạo; độ tuổi:

+ Số lao động có trình độ Đại học, trên Đại học (70 người); Cao đẳng (44 người); Trung cấp và thợ bậc cao (295 người) chiếm trên 33% quân số, đây là nguồn nhân lực được đào tạo cơ bản, có tầm nhìn, có năng lực quản lý, có tay nghề cao, đã tạo tiềm lực về nhân lực cho Công ty vượt qua khó khăn, thách thức để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

+ Độ tuổi: Trên 35 tuổi (600 người); dưới 35 tuổi (635 người)

Bảng 1: Cơ cấu lao động phân theo đơn vị sử dụng (Đơn vị: người)

TT	Đơn vị	2016	2017	2018	2019	2020
1	Khối cơ quan	89	89	88	86	84
2	Xí nghiệp 32 - 1	292	292	282	292	283
3	Xí nghiệp 32 - 3	263	237	240	235	239
4	Xí nghiệp 32 - 5	510	502	420	447	422
5	Xí nghiệp 32 - 7	232	216	196	179	168
6	XN Thương mại	12	12	12	11	11
7	Chi nhánh Hà Nội	10	10	10	10	10
8	Chi nhánh Đắk Lắk	10	10	11	10	10
9	Cửa hàng GTSP	7	7	8	8	8
Tổng cộng		1.430	1.375	1.267	1.278	1.235

Bảng 2: Cơ cấu lao động theo trình độ đào tạo (Đơn vị: người)

TT	Chỉ tiêu	2016	2017	2018	2019	2020
1	Trên đại học					01
2	Đại học	65	69	73	77	69
3	Cao Đẳng	41	42	44	44	44
4	Trung cấp, thợ bậc cao	270	276	289	290	295
5	Lao động khác	1.054	1.188	861	867	816
Tổng cộng		1.430	1.375	1.267	1.278	1.235
Độ tuổi trên 35 tuổi		680	665	635	610	600
Độ tuổi dưới 35 tuổi		750	710	632	668	635

Phần II

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2016 – 2020

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Thuận lợi

- Các sản phẩm giày, dép vẫn là một trong những nhu cầu sử dụng cơ bản của con người, khi xã hội càng phát triển thì nhu cầu sử dụng giày, dép càng tăng, đặc biệt là nhu cầu trang bị đồng phục cho các ngành, đơn vị có quân số đông, các ban, ngành thuộc cơ quan nhà nước như Bộ Công an, Tòa án, các trường học... Ngoài ra nhu cầu về Bảo hộ lao động và các loại giày đặc dụng ở trong nước hiện nay cũng còn hứa hẹn nhiều tiềm năng để phát triển. Nếu Công ty có chiến lược đầu tư, phát triển hợp lý thì sẽ chiếm lĩnh tốt thị phần trong nước làm cơ sở cho mở rộng việc tiêu thụ ra thị trường xuất khẩu.

- Hiện nay nhu cầu về sản phẩm dây thắt lưng da cung cấp đồng phục ngành và dây thắt lưng da thời trang tiêu thụ ngoài thị trường đang được người tiêu dùng rất quan tâm. Nắm bắt được tình hình, nên Công ty đã chủ động đầu tư dây chuyền đồng bộ sản xuất dây lưng theo công nghệ 4.0 của Italia mở ra cơ hội cho Công ty phát triển và chiếm lĩnh thị trường.

- Các sản phẩm may mặc và phụ trợ vẫn đảm bảo được doanh thu, lợi nhuận, việc làm, đời sống của người lao động từ các đơn hàng quốc phòng, kinh tế nội địa và xuất khẩu.

2. Khó khăn và những nguyên nhân

- Tình hình kinh tế, chính trị thế giới diễn biến phức tạp, chiến tranh thương mại và chính sách bảo hộ mậu dịch của các nước lớn ảnh hưởng không nhỏ tới hàng hóa Việt Nam trong đó có Công ty cổ phần 32.

- Dịch Covid-19 bùng phát vào cuối năm 2019 đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có dấu hiệu thuyên giảm, ảnh hưởng tất cả các nước và vùng lãnh thổ trên thế giới. Thị trường xuất khẩu và tiêu thụ nội địa gặp nhiều khó khăn do kinh tế Thế giới và trong nước chưa hồi phục.

- Gặp phải sự cạnh tranh gay gắt của các đơn vị cùng ngành trong nước và đặc biệt là từ các doanh nghiệp giày Trung Quốc (cả thị trường nội địa lẫn thị trường xuất khẩu).

- Thị trường nguyên phụ liệu, hóa chất phục vụ cho ngành sản xuất giày-may trong nước chưa đáp ứng được yêu cầu sản xuất, phụ thuộc rất nhiều vào nguồn nhập khẩu dẫn đến bị động trong sản xuất, làm tăng chi phí... ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất, giao hàng của Công ty.

- Sản phẩm của Công ty có chất lượng cao so với mặt bằng chung của thị trường nhưng hiện nay việc thiết lập hệ thống đồng bộ về quảng bá thương hiệu, tiếp thị sản phẩm, chính sách bán hàng, mở kênh phân phối, khuyến mãi, hậu mãi chưa thật linh hoạt, sáng tạo nên chưa khai thác hết tiềm năng to lớn của Công ty.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2016-2020

1. Đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu đề ra

Bảng 3: Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tổng hợp năm 2020. (Đvt: 1.000 đồng)

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ (%)
1	Tổng doanh thu	737.833.266	738.060.014	100,03%
	<i>Trong đó: Sản xuất QP</i>	<i>190.550.145</i>	<i>246.354.390</i>	<i>129,28%</i>
	<i>- Sản xuất kinh tế, xuất khẩu Kinh doanh TM, DV</i>	<i>547.283.121</i>	<i>491.705.624</i>	<i>89,84%</i>
2	Lợi nhuận	47.588.059	50.583.077	106,29%
3	Các khoản nộp ngân sách và nộp khác	50.555.792	59.221.680	117,14%
4	Thu nhập bình quân/người/tháng	10.524	10.774	102,38%
5	Cổ tức (%)	22	22	100,00%

2. Đánh giá kết quả thực hiện chiến lược

2.1. Quy hoạch phát triển chung tại các khu vực

Từ hiệu quả của hoạt động sản xuất- kinh doanh, Công ty đã tiến hành đầu tư máy móc thiết bị, công nghệ, cơ sở vật chất hiện đại, nguồn nhân lực chất lượng cao, hệ thống quản lý tiên tiến góp phần củng cố, nâng cao tiềm lực quốc phòng, nâng cao uy tín cho Quân đội, Công ty.

Chất lượng sản phẩm của Công ty cổ phần 32 nhìn chung là sản phẩm chất lượng cao so với mặt bằng chung, tạo được uy tín với các khách hàng lớn trên thị trường trong và ngoài nước. Cụ thể :

a) Hàng Quốc phòng

- Các mặt hàng quân trang thường xuyên như giày, dép, mũ, quần áo mưa, tăng vinilon, ba lô và một số mặt hàng tạp trang,... đặc biệt là các mặt hàng giày da, giày vải được bộ đội đánh giá cao.

- Mặt hàng cung cấp cho các đơn vị như giày ghệt chống đinh chống trơn trượt cung cấp cho Bộ tư lệnh Đặc công; Ủng da nghi lễ cung cấp cho Đoàn nghi lễ quân đội, Pháo lễ...Giày da, mũ kê pi lễ phục cung cấp cho Bộ Tư lệnh Lãng ...đều được các đơn vị đánh giá cao về chất lượng, mẫu mã.

b) Hàng kinh tế xuất khẩu

- Xuất khẩu giày da, giày vải các loại trong khu vực Đông Nam Á như: Lào, Campuchia.

- Giày vải sản xuất theo công nghệ dán hấp, giày thể thao thời trang được xuất khẩu theo hình thức FOB cho các khách hàng có thương hiệu như GOLLA, KICKERS, NEXT (Anh quốc) ; Gioseppo (Tây Ban Nha),...

c) Các mặt hàng kinh tế nội địa:

- Các sản phẩm cung cấp cho ngành như: giày da sĩ quan cao cấp, giày da lễ phục sĩ quan nam nữ, giày ghệt da vải, ghệt chống đinh cho Bộ Công an; Giày, dép, cặp, dây lưng cung cấp cho TANDTC...

- Giày thời trang nội địa : các loại giày da, giày vải dán hấp, dây lưng da nam nữ....

- Hàng Bảo hộ lao động: các loại giày vải, giày da, mũ nhựa, dép nhựa, quần áo mưa...

2.2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016-2020.

Bảng 4: Kết quả sản xuất kinh doanh (Đơn vị tính: triệu đồng)

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Doanh thu thuần	629.259,46	611.820,72	646.194,78	691.485,70	728.581,05
2	Lợi nhuận trước thuế	43.247,84	41.944,97	51.500,79	56.594,62	50.583,08
3	Lợi nhuận sau thuế	36.473,36	35.443,02	43.095,88	46.960,82	42.107,03
4	Thu nộp ngân sách	55.535,81	53.544,57	51.793,65	54.667,27	59.221,68
	<i>Nộp ngân sách NN</i>	<i>41.240,58</i>	<i>38.409,50</i>	<i>35.558,30</i>	<i>46.682,87</i>	<i>52.321,11</i>
	<i>Nộp ngân sách QP</i>	<i>14.295,22</i>	<i>15.135,07</i>	<i>16.235,36</i>	<i>7.984,41</i>	<i>6.900,57</i>
5	Thu nhập bình quân của NLĐ (triệu đồng/tháng)	8,17	8,42	9,25	10,37	10,77
6	Cổ tức (%)	22	22	22	-22	22

Sự hình thành và phát triển của Công ty cổ phần 32 gắn liền với mục tiêu sản xuất các mặt hàng quân trang thường xuyên như giày da sĩ quan, giày vải chiến sĩ, dép nhựa PVC, mũ, quần áo mưa, tăng vinilon, ba lô... và một số mặt hàng tạp trang phục vụ cho nhu cầu mang, mặc của bộ đội và đây được coi là nhiệm vụ chính trị trọng tâm xuyên suốt quá trình hình thành và phát triển của Công ty. Xuất phát từ yêu cầu xây dựng quân đội chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, trong những năm qua Công ty cổ phần 32 đã thường xuyên phối hợp tốt với Cục Quân nhu đi khảo sát, nắm bắt thực tế tại các đơn vị, từ đó có những phương án, đề tài nghiên cứu, cải tiến các sản phẩm quân trang theo hướng nâng cao chất lượng, tiện dụng, bền đẹp phù hợp với vùng, miền và yêu cầu sử dụng, điều kiện chiến đấu, huấn luyện, sinh hoạt của bộ đội, góp phần vào sự phát triển chung của hoạt động sản xuất, xây dựng kinh tế của quân đội trong thời gian qua.

- Tận dụng các nguồn lực tham gia sản xuất kinh tế tạo ra lợi nhuận, đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động tạo nguồn thu tài chính cho ngân sách Nhà nước, bổ sung ngân sách Quốc phòng.

- Sử dụng hiệu quả phần vốn Nhà nước tại Công ty trong sản xuất kinh doanh, đảm bảo bảo toàn vốn và có lãi, nộp cổ tức về Bộ Quốc phòng.

Bảng 4(a): Phần cổ tức được chia từ phần vốn Nhà nước của Công ty giai đoạn 2016-2020
(Đơn vị tính: triệu đồng).

Diễn giải	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Cổ tức được chia từ phần vốn Nhà nước, nộp về Bộ Quốc phòng	7.629,6	7.629,6	7.629,6	7.629,6	7.629,6

Bảng 5: Tình hình tài chính doanh nghiệp

(Đơn vị tính: triệu đồng)

T T	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Vốn điều lệ	68.000,00	68.000,00	68.000,00	68.000,00	68.000,00
2	Vốn chủ sở hữu	162.842,50	176.299,95	200.826,61	223.615,95	242.222,85
3	Tổng giá trị tài sản	465.004,79	500.992,33	468.841,12	434.930,31	488,295,45
4	Nợ phải trả	301.602,88	324.709,02	268.029,34	211.317,56	246.078,51
5	Các khoản đầu tư tài chính	10.572,57	10.572,57	10.572,57	10.572,57	10.572,57
	<i>Tiền gửi có kỳ hạn</i>					
	<i>Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết</i>					
	<i>Đầu tư dài hạn khác (Cổ phiếu NH Quân đội)</i>	10.572,57	10.572,57	10.572,57	10.572,57	10.572,57
6	Các khoản tồn đọng tài chính					
	<i>Lỗi lũy kế</i>					
	<i>Nợ phải thu khó đòi</i>					
	<i>Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang không có nguồn</i>					
	<i>Vật tư hàng hóa kém phẩm chất, mất phẩm chất chưa xử lý được</i>					
	<i>Các khoản đầu tư hình thành tài sản cố định thiếu nguồn</i>					
	<i>Các khoản đầu tư khả năng khó thu hồi</i>					
	<i>Tồn đọng khác</i>					

Bảng 6: Cơ cấu tài sản

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	0,74	0,75	0,72	0,69	0,73
2	Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	0,26	0,25	0,28	0,31	0,27
3	Các khoản phải thu/Tổng tài sản	0,16	0,20	0,24	0,13	0,25

Bảng 7: Cơ cấu nguồn vốn

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	0,65	0,65	0,57	0,49	0,50
2	Nợ ngắn hạn/Tổng nguồn vốn	0,64	0,64	0,57	0,48	0,50
3	Vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	0,35	0,35	0,43	0,51	0,50
4	Nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu	1,85	1,84	1,33	0,95	1,02
5	Nợ ngắn hạn/ Tổng nợ phải trả	0,99	0,99	0,99	0,99	1,00
6	Nợ dài hạn/ Tổng nợ phải trả	0,01	0,01	0,01	0,01	0,00

Bảng 8: Chỉ tiêu lợi nhuận

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Lợi nhuận gộp/ Doanh thu thuần	0,10	0,11	0,10	0,12	0,11
2	Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	0,07	0,07	0,08	0,08	0,07
3	Lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH	0,22	0,20	0,21	0,21	0,17
4	Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	0,08	0,07	0,09	0,10	0,09

2.3. Đánh giá về sản phẩm thị trường và thị phần của Công ty cổ phần 32.

a) Về thị trường

- Ngành kinh doanh chính của Công ty là sản xuất giày, dép chiếm khoảng 64,75 % tổng doanh thu (năm 2020).

Bảng 9: Cơ cấu doanh thu của toàn tổ hợp đối với 3 ngành nghề kinh doanh chính của Công ty năm 2020.

(Đơn vị tính: 1.000 đồng).

TT	Ngành	Doanh thu	Tỷ trọng
1	Sản phẩm giày, dép	477.912.150	64,75%
2	Sản phẩm may mặc (Ba lô, quần áo mưa, túi vinilon, mũ, tạp trang và các sản phẩm may mặc khác)	157.134.171	21,29%
3	Từ hoạt động kinh doanh thương mại và dịch vụ	103.013.693	13,96%
	Cộng	738.060.014	100%

- Trong cơ cấu ngành nghề chính trong tổng doanh thu của Công ty thì hàng kinh tế (gồm hàng xuất khẩu và kinh doanh nội địa) chiếm tỷ trọng chủ yếu (chiếm trên 70 % trong cơ cấu doanh thu); hàng Quốc phòng chỉ chiếm tỷ trọng gần 30% trong cơ cấu doanh thu. Cơ cấu của các nhóm thị trường nội địa chiếm tỉ trọng lớn nhất trong doanh thu, tỷ lệ khách hàng cũ chiếm trên 80%, điều này chỉ ra để phát triển bền vững, Công ty cần tiếp tục chú trọng hơn nữa việc phát triển thị trường nội địa, thị trường xuất khẩu và phát triển khách hàng mới trong những năm tới.

Bảng 10: Cơ cấu doanh thu ngành hàng năm 2019 và năm 2020

(Đơn vị tính: triệu đồng)

TT	Cơ cấu ngành	Năm 2019		Năm 2020	
		Doanh thu	Tỷ trọng	Doanh thu	Tỷ trọng
1	Doanh thu sản xuất quốc phòng (thông qua hình thức đầu thầu)	154.962,46	22,02%	246.354,39	33,38%
2	Doanh thu hàng kinh tế xuất khẩu	215.478,04	30,63%	187.785,99	25,44%
3	Doanh thu hàng kinh tế nội địa và kinh doanh thương mại, dịch vụ	333.156,25	47,35%	303.919,63	41,18%
	Cộng	703.596,75	100%	738.060,14	100%

- Đối với thị trường xuất khẩu của Công ty trong những năm qua có 03 thị trường chủ yếu là thị trường Châu Âu chiếm khoảng 70%, thị trường Châu Á chiếm 12% và thị trường khác (Mỹ, Úc...).

- Ngành chủ lực của Công ty là sản xuất giày - dép, chiếm 64,75% trong cơ cấu doanh thu (năm 2020); kế đến là may mặc, phụ trợ; hoạt động kinh doanh thương mại và dịch vụ chiếm tỷ trọng ít nhất. Nhìn vào cơ cấu doanh thu cho thấy doanh thu chủ yếu được tạo ra từ hoạt động sản xuất.

- Ngành may mặc và các sản phẩm phụ trợ chiếm 21,29 % doanh thu toàn Công ty, với sản phẩm như mũ kêpi, mũ mềm, ba lô, áo mưa, tăng vinilon, túi, cặp, phù hiệu, cấp hiệu....chiếm tỷ trọng chủ yếu.

- Ngành kinh doanh thương mại và dịch vụ của Công ty chiếm 13,96% doanh thu toàn Công ty (năm 2020). Ngành kinh doanh này chủ yếu tập trung khai thác mặt bằng của Công ty tại khu công nghiệp Sóng Thần (Xí nghiệp 32-6 cũ). Tuy nhiên đến 31/12/2020 Công ty hết hợp đồng thuê quyền sử dụng đất tại khu vực này vì vậy doanh thu và lợi nhuận từ việc khai thác mặt bằng của Công ty từ năm 2021 trở đi sẽ giảm đáng kể; kinh doanh nguyên phụ liệu giày (bán vật tư cho quân đội Lào) và một phần từ hoạt động đầu tư tài chính.

b) Về thị phần

- Hàng quốc phòng: Công ty đáp ứng các loại giày, dép, mũ, quần áo mưa, tăng vinilon, ba lô và một số mặt hàng tạp trang cho các đơn vị đóng quân từ phía Nam đèo Hải Vân trở vào.

- Hàng kinh tế nội địa : các mặt hàng giày da, giày vải bảo hộ lao động, giày vải Dân quân tự vệ trong năm 2020 tiêu thụ vào loại khá tốt so với các doanh nghiệp cùng ngành tại thị trường nội địa (giày da : 368.000 đôi/năm, giày vải các loại 202.000 đôi/năm) tuy nhiên so với thị trường trên 95 triệu dân thì đây cũng là một con số rất khiêm tốn. Và Công ty cũng xác định thị trường nội địa là một thị trường tiềm năng của Công ty trong thời gian tới.

- Hàng xuất khẩu: Công ty mới chuyển đổi từ mô hình gia công sang mô hình sản xuất tự doanh mặt hàng giày vải dán hấp từ năm 2009, tuy bước đầu cũng còn nhiều khó khăn về khách hàng, thị trường nhưng tới nay Công ty cũng đã có những khách hàng ổn định, đã có sự gia tăng về số lượng khách hàng và đơn hàng nên khu vực này về lâu dài sẽ tăng dần tỷ trọng trong cơ cấu doanh thu, lợi nhuận của Công ty.

2.4. Về nguồn nhân lực

a) Điềm mạnh

- Công ty cổ phần 32 luôn xác định lực lượng lao động là nguồn lực quyết định sự tồn tại, phát triển của Công ty nên trong những năm qua Công ty đã luôn chú trọng trong công tác thu hút lao động, đặc biệt là lao động có chất xám, công nhân lành nghề.

- Các chính sách quản trị nhân sự luôn hướng đến việc xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý của Công ty năng động, sáng tạo, có tinh thần hợp tác, có định hướng lâu dài, dám nghĩ, dám làm và có tinh thần trách nhiệm cao.

- Công tác quản lý sử dụng và đào tạo nguồn nhân lực do Ban Điều hành quản lý và giao cho phòng Tổ chức-Hành chính phụ trách theo dõi. Công tác đào tạo, tuyển dụng được thực hiện theo quy hoạch, kế hoạch và quy chế về công tác cán bộ.

- Các chương trình đào tạo trong thời gian từ năm 2016-2020, Công ty đã xúc tiến triển khai các chương trình đào tạo nhằm nâng cao khả năng quản lý, điều hành cho cán bộ chủ chốt và kỹ năng quản lý, kỹ thuật cho nhân viên và người lao động trực tiếp sản xuất về chấp hành quy trình công nghệ, tăng năng suất lao động và nâng cao chất lượng sản phẩm.

b) Điểm yếu và nguyên nhân.

Chưa có nhiều chính sách ưu đãi thiết thực trong việc thu hút nhân tài, đội ngũ cán bộ còn mỏng, lực lượng kế cận còn thiếu nên gặp nhiều khó khăn trong quy hoạch, đào tạo, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển; trình độ cán bộ quản lý ở một số khu vực chưa được đào tạo bài bản nên tính chuyên nghiệp chưa cao.

2.5. Về tổ chức quản lý, quản trị

Hiện nay Công ty đang thực hiện việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh, xây dựng đơn vị theo mô hình trực tuyến chức năng và qua thực tế cho thấy là phù hợp với tính hình thực tế hiện nay của doanh nghiệp. Hiện nay Công ty điều hành theo các cấp độ ưu tiên :

+ Nghị quyết của đại hội cổ đông.

+ Theo các kế hoạch hành động và các kế hoạch định kỳ cụ thể năm, quý, tháng, tuần.

- Thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện để điều chỉnh cho phù hợp với mục tiêu, kế hoạch đã đề ra.

- Thực trạng về trình độ của lãnh đạo cấp cao (Ban Điều hành):

+ Đại học : 100%

- Trình độ của lãnh đạo cấp trung (từ Trưởng phòng, Giám đốc Xí nghiệp, Giám đốc Chi nhánh trở xuống).

+ Đại học : 91%

+ Cao đẳng, Trung cấp : 09%

* *Những khó khăn, tồn tại.*

Việc tạo nguồn, đào tạo đội ngũ kế cận gặp nhiều khó khăn do cơ chế, quy định về số người là quân nhân được Bộ Quốc phòng cử đại diện phần vốn Nhà nước ở Công ty.

2.6. Về thực hiện các dự án đầu tư.

a) Đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Hiện nay không có dự án đầu tư do Công ty làm chủ đầu tư, hợp tác đầu tư, góp vốn; dự án đầu tư ra nước ngoài...

b) Đối với dự án đầu tư vào hình thành tài sản cố định và xây dựng cơ bản: (Chi tiết tại Biểu số 02.A đính kèm)

c) Đối với dự án góp vốn, liên kết và đầu tư tài chính: (Chi tiết tại Biểu số 02.B đính kèm)

d) Đánh giá thực trạng việc thực hiện các dự án đầu tư

- Việc tuân thủ trình tự, thủ tục đầu tư trong quá trình thực hiện dự án:

Việc triển khai các dự án đầu tư Công ty thực hiện chặt chẽ, thủ tục, quy trình đầu tư chấp hành đúng Pháp luật, quy định của Bộ Quốc phòng, Tổng cục Hậu cần, Quy chế và Điều lệ Công ty. Các dự án đầu tư đều được Thủ trưởng Tổng cục phê duyệt chủ trương trước khi triển khai thực hiện dự án để bảo đảm công khai, dân chủ, minh bạch, hiệu quả.

Quá trình triển khai thực hiện dự án đầu tư, Công ty tuân thủ đúng các quy định về tổ chức đấu thầu của Luật đấu thầu số 43 năm 2013, Nghị định 63/2014/NĐ-CP và các quy định của Bộ Quốc phòng, Tổng cục Hậu cần, quy chế, Điều lệ của Công ty.

- Về tiến độ đảm bảo vốn cho các dự án đầu tư: Các dự án đầu tư của Công ty sử dụng từ nguồn vốn sản xuất kinh doanh, khấu hao và quỹ đầu tư phát triển của Công ty.

- Đánh giá hiệu quả sau đầu tư của dự án:

Theo số liệu đến ngày 31/12/2020, giá trị còn lại của tài sản cố định/nguyên giá của Công ty ở mức 46,81%, điều này cho thấy hoạt động đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển hạ tầng đã được Công ty quan tâm trong thời gian qua, đáp ứng được nhu cầu sản xuất kinh doanh.

+ Đối với máy móc thiết bị : giá trị còn lại bằng 42,92 % giá trị đầu tư ban đầu do phần lớn các máy móc thiết bị đã khấu hao gần hết một phần do Công ty thực hiện khấu hao nhanh. Máy móc thiết bị của Công ty mua sắm trong thời gian qua sử dụng ổn định, hiệu quả cao và không bị hư hỏng do Công ty mua của các nước tiên tiến có công nghệ hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất MMTB phục vụ ngành giày may như Italia, CH Séc, Đài Loan (TQ).

+ Đối với cơ sở hạ tầng, nhà cửa vật kiến trúc: giá trị còn lại bằng 51,65% giá trị đầu tư ban đầu, hiện nay nhà xưởng và hệ thống hạ tầng cơ bản đáp ứng được yêu cầu của sản xuất.

Nhìn chung, trong những năm qua tốc độ đầu tư cải tiến và phát triển công nghệ của Công ty còn chậm, trong khi nhu cầu của khách hàng thay đổi theo chiều hướng doanh nghiệp cần có những thiết bị, công nghệ mới ra đời để cải tiến tạo ra các sản phẩm phù hợp với khách hàng hơn. Việc tiếp tục đầu tư máy móc, thiết bị, cải tiến công nghệ trong thời gian tới là rất cần thiết để nâng cao năng lực cạnh tranh. Công ty đang tiến hành lập dự án đầu tư bổ sung MMTB để đáp ứng công nghệ 4.0. Khảo sát, lập kế hoạch đầu tư cải tạo, mở rộng văn phòng Công ty; xây dựng xưởng cán luyện và nhà kho Xí nghiệp 32-5; xưởng cán luyện lưu hóa XN32-7/Công ty cổ phần 32 trình Thủ trưởng TCHC phê duyệt chủ trương để triển khai trong giai đoạn 2021-2025.

2.7. Quản lý hành chính- hậu cần- môi trường

a) Công tác hành chính

- *Công tác quản lý, sử dụng đất quốc phòng*: Các khu đất được Bộ Quốc phòng giao, Công ty đo đạc, quản lý tốt ranh giới, không để xảy ra tranh chấp, lấn chiếm và sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả cao.

- *Công tác văn thư, bảo mật*: Quản lý chặt chẽ và thực hiện nghiêm túc vào sổ đăng ký công văn, tài liệu đến, đi bảo đảm an toàn tuyệt đối nhanh chóng, kịp thời; không để xảy ra tình trạng thất lạc, lộ lọt tài liệu. Quản lý và sử dụng con dấu, hộ chiếu của cán bộ chặt chẽ, đúng quy định. Thu thập, phân loại tài liệu theo đúng quy định, tra cứu phục vụ các cơ quan, đơn vị khi có yêu cầu. Bố trí, sắp xếp nơi lưu trữ tài liệu khoa học, gọn gàng, ngăn nắp.

b) Công tác hậu cần

- Đảm bảo giữ gìn vệ sinh an toàn thực phẩm, không để xảy ra ngộ độc thức ăn trong đơn vị. Duy trì nghiêm túc nội quy, quy chế đối với các nhân viên phục vụ. Nhà ăn Công ty tổ chức phục vụ suất ăn ca ngày và ăn ca đêm đảm bảo tuyệt đối an toàn vệ sinh thực phẩm, vệ sinh ăn uống. Duy trì chế độ bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật, bồi dưỡng làm đêm, làm thêm giờ cho người lao động.

- Thực hiện chế độ trực y tế 24 giờ/ngày, đáp ứng kịp thời yêu cầu khám, chữa bệnh của cán bộ, người lao động. Tổ chức khám sức khoẻ định kỳ cho cán bộ, người lao động.

- Đảm bảo số đầu xe hoạt động tốt, kịp thời phục vụ các nhu cầu công tác và phục vụ sản xuất của Công ty.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và của UBND Tp. HCM về phòng chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của virus Cô-rô-na gây ra qua hệ thống truyền thanh nội bộ, dán pano áp phích tại các khu vực cửa ra vào... nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, người lao động đối với công tác phòng chống dịch bệnh.

c) Công tác môi trường

- Công ty chấp hành nghiêm pháp luật Bảo vệ môi trường, đã đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải với chi phí trên 1,5 tỷ đồng. Vệ sinh, môi trường khang trang, sạch đẹp. Hàng năm được Phòng Tài nguyên môi trường Quận Gò Vấp/Tp. Hồ Chí Minh công nhận “Công sở văn hóa, xanh- sạch- đẹp”

- Thường xuyên kiểm tra trang, thiết bị PCCN, bổ sung đầu tư mới, sửa chữa kịp thời các dụng cụ bị mất mát, hư hỏng. Tổ chức tuyên truyền ý thức PCCN cho người lao động. Trong năm không để xảy ra vụ việc mất an toàn trong Công ty.

III. TỒN TẠI, NGUYÊN NHÂN, BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Tồn tại

- Công tác xây dựng kế hoạch và dự báo tình hình kinh tế-xã hội, cơ chế, tác động thị trường ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất-kinh doanh có lúc chưa sát với tình hình. Việc điều hành sản xuất kinh doanh ở một số Xí nghiệp có lúc chưa thật linh hoạt sáng tạo, tính chủ động có nơi còn hạn chế, năng suất lao động chưa cao nên hiệu quả sản xuất còn thấp. Có xí nghiệp thu nhập của người lao động chưa được cải thiện nhiều.

- Công tác tìm kiếm nguồn hàng tuy đã có nhiều cố gắng nhưng vẫn chưa hoàn toàn khắc phục được tính chất mùa vụ đặc thù của ngành sản xuất da giày.

Việc chuẩn bị vật tư nguyên phụ liệu có lúc có nơi chưa đồng bộ ảnh hưởng tới sản xuất.

- Đầu tư máy móc thiết bị còn chậm nên không hỗ trợ doanh thu và việc làm cho người lao động. Việc nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật công nghệ mới vào sản xuất chưa theo kịp yêu cầu của Công ty.

- Bộ phận thị trường chưa phát huy được vai trò, nhiệm vụ đặt ra trong việc xây dựng chiến lược marketing và phát triển thương hiệu để thực hiện chiến lược phát triển của Công ty theo hướng lấy sản phẩm giày-dép làm trọng tâm, các sản phẩm túi, cặp, dây lưng da là sản phẩm hỗ trợ trong chiến lược phát triển thương hiệu.

2. Nguyên nhân

- Dịch Covid-19 diễn biến ngày càng phức tạp, chuỗi cung ứng toàn cầu bị đứt gãy...chiến tranh thương mại giữa các nước lớn và chính sách bảo hộ mậu dịch ảnh hưởng rất lớn đến kế hoạch sản xuất-kinh doanh của Công ty.

- Sự cạnh tranh gay gắt của các đơn vị cùng ngành giày, may trong nước và đặc biệt là từ các doanh nghiệp giày Trung Quốc (cả thị trường nội địa lẫn thị trường xuất khẩu).

- Thị trường nguyên phụ liệu, hóa chất phục vụ cho ngành sản xuất giày - may trong nước chưa đáp ứng được yêu cầu sản xuất, phụ thuộc rất nhiều vào nguồn nhập khẩu dẫn đến bị động trong sản xuất, làm tăng chi phí... ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất, giao hàng và giá thành sản phẩm của Công ty.

- Công tác tuyển dụng và xây dựng đội ngũ cán bộ, nhân viên làm công tác thị trường còn nhiều hạn chế, bất cập, chưa xây dựng được chiến lược phát triển thị trường, quảng bá thương hiệu sản phẩm đặc biệt là các sản phẩm mới.

3. Bài học kinh nghiệm

- Có nhiều chính sách ưu đãi thiết thực trong việc thu hút nhân tài, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, điều hành cấp cơ sở, quy hoạch, đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng được yêu cầu phát triển Công ty trong tình hình hình mới;

- Công tác đầu tư mua sắm trước hết phải xuất phát từ yêu cầu thực tế của việc đổi mới MMTB. Nhu cầu đầu tư, đổi mới phải được xác lập từ đơn vị sản xuất, cân nhắc, lựa chọn phương án tối ưu, thực hiện theo đúng quy trình, quy định của pháp luật. Những nguồn máy, thiết bị mới mua sắm phát huy hiệu quả cao, không có MMTB nào không phù hợp, không sử dụng.

Phần III**CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP
GIAI ĐOẠN 2021 -2025, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030****I. PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG KINH DOANH VÀ ĐÁNH GIÁ CÁC NGUỒN LỰC****1. Môi trường kinh doanh****a) Cơ hội**

- Tiếp tục nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên của Đảng ủy, Chỉ huy TCHC và sự giúp đỡ của các cơ quan chức năng cấp trên.

- Các Hiệp định thương mại giữa Việt Nam với các nước trên thế giới đã được ký kết như Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CP TPP); Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EVFTA) sẽ mở ra nhiều cơ hội tiếp cận công nghệ mới cũng như mở rộng thị trường xuất khẩu.

- Uy tín và thương hiệu của Công ty ngày càng được khẳng định trên thị trường, tạo điều kiện mở rộng thị trường, thúc đẩy tiêu thụ cả thị trường trong và ngoài nước.

b) Thách thức

- Dịch Covid-19 vẫn còn tiếp diễn ảnh hưởng đến tất cả các nước và vùng lãnh thổ trên thế giới, Thị trường xuất khẩu và tiêu thụ nội địa gặp nhiều khó khăn do kinh tế Thế giới và trong nước chưa hồi phục.

- Tình hình kinh tế, chính trị thế giới diễn biến phức tạp, chiến tranh thương mại và chính sách bảo hộ mậu dịch của các nước lớn ảnh hưởng không nhỏ tới hàng hóa Việt Nam trong đó có Công ty cổ phần 32.

- Sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp cùng ngành, các sản phẩm giá rẻ, hàng nhái, hàng giả trên thị trường cũng ảnh hưởng không nhỏ đến thương hiệu, uy tín và thị trường tiêu thụ sản phẩm của Công ty.

- Giá cả một số loại vật tư, nguyên liệu, hóa chất ...đầu vào Công ty phải nhập khẩu làm tăng chi phí giá thành sản phẩm ảnh hưởng tới chiến lược cạnh tranh của Công ty.

2. Nguồn lực doanh nghiệp**a) Trang bị, công nghệ**

- Xây dựng kế hoạch mua sắm trang bị kỹ thuật nâng cao năng lực sản xuất tại các Xí nghiệp thành viên và thiết bị phục vụ công tác quản lý của Công ty. Khai thác và sử dụng tốt mọi tiềm năng thế mạnh của Công ty về nguồn lực, máy móc thiết bị và nhà xưởng để nâng cao hiệu quả SX-KD.

- Đầu tư bổ sung, đầu tư mới MMTB có công nghệ tiên tiến cho các sản phẩm chủ lực và các lĩnh vực sản xuất kinh doanh để nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm phù hợp với nhu cầu đa dạng của thị trường, nâng cao sự thỏa mãn khách hàng tạo điều kiện cho việc tiếp cận các đơn hàng, các khách hàng lớn.

- Đầu tư thiết bị công nghệ hiện đại cho sản xuất sản phẩm chủ lực để phục vụ tốt cho nhiệm vụ sản xuất hàng Quốc phòng và nhu cầu của thị trường. Việc đầu tư cho sản phẩm chủ lực được xác định dựa trên nhu cầu thực tế từng khu vực sản xuất đảm bảo hiệu quả, không lãng phí.

b) Nguồn nhân lực

- Tuyển dụng, đào tạo nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ và nhân viên nghiệp vụ cho phù hợp với nhu cầu, tạo sự năng động, sáng tạo trong thực thi chức trách nhiệm vụ; bố trí sắp xếp đúng người đúng việc nhằm phát huy tối đa tài năng trí tuệ, sở trường của từng người phục vụ cho sự phát triển của Công ty trước mắt và lâu dài; thực hiện luân chuyển cán bộ.

- Có chính sách tiền lương, tiền thưởng hợp lý để thu hút cán bộ quản lý giỏi, cán bộ chuyên trách marketing, công nhân kỹ thuật có tay nghề cao, giữ ổn định lao động; ổn định sản xuất và chất lượng sản phẩm

- Chăm lo cải thiện điều kiện, môi trường làm việc; nâng cấp nhà xưởng; chống dột, chống nóng tạo môi trường thông thoáng, đảm bảo sức khỏe cho người lao động. Cải tạo cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp.

c) Công tác tài chính

- Tập chung nguồn lực tài chính đáp ứng cho các chương trình sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị phục vụ nhu cầu sản xuất của Công ty. Tăng cường công tác quản lý tài chính, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, bảo toàn và phát triển vốn, tiền lương, chính sách cho người lao động.

- Ghi chép phản ánh trung thực chính xác kịp thời trên sổ sách kế toán, lập các báo cáo tài chính, phục vụ số liệu cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát kiểm tra giám sát cũng như phục vụ cho Ban điều hành Công ty trong công tác đánh giá, điều hành sản xuất kinh doanh và báo cáo cấp trên.

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Bộ Quốc phòng, duy trì tốt các chế độ báo cáo tài chính và nộp ngân sách Nhà nước theo đúng quy định.

d) Sản phẩm, thị trường, thị phần, thương hiệu

- Phát triển dòng sản phẩm cao cấp về mẫu mã và chất lượng để tạo sự khác biệt và nổi bật về chủng loại, đồng thời cải tiến các sản phẩm có giá tương đối để đủ sức cạnh tranh với các đơn vị bạn.

- Đẩy mạnh công tác quảng cáo, tiếp thị, xây dựng thương hiệu nhằm tiêu thụ các sản phẩm hàng kinh tế nhất là các mặt hàng trang bị BHLĐ, Dân quân tự vệ, các sản phẩm giày da và các sản phẩm valy, túi cặp, dây lưng...; duy trì sự ổn định của các khách hàng, thị trường truyền thống, tiếp tục đẩy mạnh khai thác, đa dạng hóa thị trường để mở rộng khả năng tiêu thụ sản phẩm trong và ngoài nước.

- Nghiên cứu chế thử mẫu chào hàng trong các kỳ hội chợ triển lãm trong nước và quốc tế. Tích cực tìm kiếm các đơn hàng cho chương trình sản xuất giày vải dán hấp.

II. ĐỊNH HƯỚNG, MỤC TIÊU

1. Định hướng

a) Về ngành nghề kinh doanh, sản phẩm chính, phát triển thị trường

- Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty cổ phần 32 gồm:

+ Công nghiệp may, sản xuất giày dép, may trang phục, sản xuất sản phẩm từ da lông thú; sản xuất giày dép, dây lưng, va ly, túi xách, ví bóp và các sản phẩm tương tự.

+ Công nghiệp nhựa.

+ Sản xuất - kinh doanh, gia công xuất khẩu các sản phẩm, nguyên phụ liệu, thiết bị phụ tùng, ... trong lĩnh vực, ngành nghề thuộc công nghiệp may, da giày, nhựa và một số tạp trang phục vụ nhu cầu quốc phòng - an ninh, bảo hộ lao động, đồng phục và cung cấp cho thị trường trong nước, nước ngoài.

+ Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng, kho bãi, nhà xưởng; buôn bán máy móc, thiết bị phụ tùng trong lĩnh vực, ngành nghề thuộc công nghiệp may, da giày, nhựa.

- Sản phẩm chính gồm:

+ Các sản phẩm chủ lực: Giày da, dép nhựa, ủng nhựa, mũ, quần áo mưa, tăng vinilon, ba lô, túi xách, dây thắt lưng da, phụ cấp hiệu... giày vải BHLĐ, DQTV và giày vải dán hấp.

+ Các sản phẩm phụ trợ: Đế giày nam nữ (đế cao su, PU, TPR, TP); gót, đinh; phom nhe định hình; talon, talon định hình; lưỡi trai mũ kê pi, phụ kiện khoen khóa, kính mũ bảo hiểm...

- Phát triển thị trường: Đẩy mạnh phát triển hệ thống kênh phân phối, hình thức phân phối và hoàn chỉnh quy chế hoạt động thương mại của Công ty, tăng cường quảng bá hình ảnh và phát triển uy tín thương hiệu của Công ty đến người tiêu dùng trong và ngoài nước để phát triển thị phần tiêu thụ.

b) Về công tác quản trị, quản lý và điều hành sản xuất

- Công tác quản trị:

+ Đẩy mạnh công tác quảng cáo, tiếp thị, xây dựng thương hiệu nhằm tiêu thụ các sản phẩm hàng kinh tế nhất là các mặt hàng trang bị BHLĐ, Dân quân tự vệ, các sản phẩm giày da và các sản phẩm valy, túi cặp, dây lưng...; duy trì sự ổn định của các khách hàng, thị trường truyền thống, tiếp tục đẩy mạnh khai thác, đa dạng hóa thị trường để mở rộng khả năng tiêu thụ sản phẩm trong và ngoài nước.

+ Đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ theo đúng ngành nghề, Nghiên cứu chế thử mẫu chào hàng trong các kỳ hội chợ triển lãm trong nước và quốc tế. Tích cực tìm kiếm các đơn hàng cho chương trình sản xuất giày vải dán hấp.

- Công tác quản lý:

+ Phối hợp với các đơn vị thành viên làm tốt công tác giáo dục tuyên truyền nhằm hạn chế biến động về lao động. Chăm lo đời sống vật chất cho người lao động, giữ ổn định lao động, ổn định sản xuất.

+ Thực hiện hệ thống thang bảng lương do doanh nghiệp xây dựng theo đúng quy định của pháp luật. Giải quyết chế độ chính sách cho người lao động đảm bảo chính xác, kịp thời theo quy định.

+ Triển khai thực hiện Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 được Quốc hội khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 8 ngày 20/11/2019 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021.

- Công tác điều hành sản xuất.

+ Tập trung mọi nguồn lực sản xuất, nhập kho hàng quốc phòng theo các hợp đồng ký kết với CQN đúng thời gian quy định đồng thời cân đối nhu cầu, năng lực để sản xuất linh hoạt phục vụ tốt nhu cầu thị trường trong nước và kinh tế - xuất khẩu.

+ Duy trì chế độ giao ban sản xuất, giao ban kỹ thuật để nắm bắt tình hình ở các đơn vị trong Công ty, có hướng xử lý kịp thời những phát sinh.

+ Điều hành một cách hợp lý, linh hoạt; phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận trong việc thực hiện các kế hoạch sản xuất.

b) Định hướng về đầu tư, vốn, nhân lực

- Định hướng đầu tư:

+ Lập kế hoạch cải tạo, mở rộng Văn phòng Công ty và khảo sát lập kế hoạch xây dựng xưởng cán luyện và nhà kho XN32-5; xưởng lưu hóa Xí nghiệp 32-7/Công ty cổ phần 32.

+ Đầu tư mua sắm máy móc thiết bị tiên tiến, thiết bị chuyên dụng nâng cao năng suất lao động, năng lực sản xuất, giảm giá thành sản phẩm tạo lợi thế cạnh tranh trên thị trường.

- Nguồn vốn: Nguồn vốn khấu hao và quỹ đầu tư phát triển của Công ty

- Nhân lực: Phát triển, đào tạo nguồn nhân lực sẵn có của Công ty

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Xác định mục tiêu về “Chiến lược phát triển doanh nghiệp giai đoạn 2021 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030” như sau :

“Trở thành một trong những Công ty mạnh trong ngành giày da; trong đó sản phẩm giày da với thương hiệu “Aseco32” trở thành một trong các thương hiệu hàng đầu tại Việt Nam vào năm 2030.”

2.2. Mục tiêu cụ thể.

Để đạt được mục tiêu “Chiến lược phát triển doanh nghiệp giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030”, Công ty cụ thể hóa thành các mục tiêu chủ yếu như sau :

- Hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ chính trị được giao;
- Thực hiện thắng lợi các Nghị quyết đại hội đồng cổ đông đề ra;
- Hoàn thành tốt các kế hoạch sản xuất kinh doanh đề ra;
- Thỏa mãn khách hàng;

- Quản lý nội bộ tốt;
- Thường xuyên học tập, nâng cao năng lực quản lý và đầu tư đổi mới công nghệ;
- Thường xuyên quan tâm, chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, cải tạo điều kiện làm việc cho người lao động;
- Công tác marketing phù hợp với mục tiêu của từng giai đoạn, từng mùa, loại sản phẩm, đối tượng khách hàng. Cập nhật thường xuyên thông tin về Công ty, sản phẩm trên Website, catalogue sản phẩm... Tìm kiếm thêm đối tác tiêu thụ sản phẩm như các website bán hàng trực tuyến, siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng thời trang...
- Chú trọng nghiên cứu thị trường để có thể thiết kế nhiều mẫu mã mới, tiên phong trong các xu hướng và có kế hoạch sản xuất các kiểu dáng phù hợp theo mùa.
- Phát triển dòng sản phẩm cao cấp về mẫu mã và chất lượng để tạo sự khác biệt và nổi bật về chủng loại, đồng thời cải tiến các sản phẩm có giá tương đối để đủ sức cạnh tranh với các đơn vị bạn.

III. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và tài chính

Bảng 11: Kế hoạch sản xuất kinh doanh (Đơn vị tính: triệu đồng)

TT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Doanh thu thuần	641.017,3	689.598,6	723.209,6	756.644,7	790.848,9
2	Lợi nhuận trước thuế	41.173,0	42.805,3	45.131,9	47.445,3	49.812,8
3	Lợi nhuận sau thuế	32.938,4	34.244,2	36.105,5	37.956,3	39.850,3
4	Thu nộp ngân sách	48.932,8	54.674,5	56.085,7	57.521,9	59.097,2
	<i>Nộp ngân sách NN</i>	40.876,0	46.604,2	48.001,4	49.422,8	50.982,8
	<i>Nộp ngân sách QP</i>	8.056,8	8.070,3	8.084,4	8.099,1	8.114,4
5	Thu nhập bình quân của NLĐ (triệu đồng/tháng)	10,5	11,5	12,0	12,5	13,0
6	Cổ tức (%)	≥ 16%	≥ 15%	≥ 15%	≥ 15%	≥ 15%

Bảng 12: Tình hình tài chính doanh nghiệp (Đơn vị tính: triệu đồng)

TT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Vốn điều lệ	68.000,00	68.000,00	68.000,00	68.000,00	68.000,00
2	Vốn chủ sở hữu	244.941,37	269.435,51	296.379,06	326.016,96	358.618,66
3	Tổng giá trị tài sản	435.891,77	468.927,05	491.782,54	514.518,41	537.777,25

4	Nợ phải trả	204.869,13	229.774,25	240.973,45	252.114,02	263.510,85
5	Các khoản đầu tư tài chính	10.572,57	10.572,57	10.572,57	10.572,57	10.572,57
	<i>Tiền gửi có kỳ hạn</i>					
	<i>Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết</i>					
	<i>Đầu tư dài hạn khác (Cổ phiếu NH Quân đội)</i>	10.572,57	10.572,57	10.572,57	10.572,57	10.572,57

Bảng 13: Cơ cấu tài sản

TT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	0,68	0,71	0,72	0,73	0,74
2	Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	0,32	0,29	0,28	0,27	0,26
3	Các khoản phải thu/Tổng tài sản	0,10	0,10	0,11	0,11	0,12

Bảng 14: Chỉ tiêu lợi nhuận

TT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Lợi nhuận gộp/ Doanh thu thuần	0,10	0,11	0,12	0,12	0,13
2	Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	0,07	0,07	0,08	0,08	0,09
3	Lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH	0,12	0,12	0,11	0,11	0,10
4	Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	0,07	0,08	0,08	0,08	0,09

2. Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2021-2025

a) Mục tiêu tổng quát:

- Đánh giá, rà soát lại các chương trình sản xuất hiện tại để định hướng đầu tư, sắp xếp, điều chỉnh sản xuất cho hiệu quả và phù hợp với “Chiến lược phát triển doanh nghiệp giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030” của Công ty.

- Khai thác và sử dụng tốt mọi tiềm năng thế mạnh của Công ty về nguồn lực, máy móc thiết bị và nhà xưởng để nâng cao hiệu quả SX-KD.

- Tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị, khoa học công nghệ cho các ngành nghề trọng yếu, các sản phẩm mũi nhọn, đầu tư phát triển công nghiệp phụ trợ để chủ động trong sản xuất kinh doanh, chống hàng nhái, hàng giả. Nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và năng lực cạnh tranh.

- Lập kế hoạch cải tạo, mở rộng Văn phòng Công ty và khảo sát lập kế hoạch xây dựng xưởng cán luyện và nhà kho XN32-5; xưởng lưu hóa Xi nghiệp 32-7/Công ty cổ phần 32 trình Thủ trưởng Tổng cục phê duyệt chủ trương để triển khai thực hiện. Tạo cảnh quan môi trường và điều kiện làm việc của người lao động.

b) Nguồn lực để thực hiện dự án:

- Nguồn lực để triển khai các dự án đầu tư được sử dụng từ nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản và quỹ khấu hao tài sản cố định hàng năm của Công ty.

- Danh mục dự án đầu tư phát triển 5 năm, từ năm 2021-2025 thể hiện tại Phụ lục III đính kèm báo cáo. (Báo cáo thuyết minh đánh giá nhu cầu và mục tiêu đầu tư, quy mô, công suất, khả năng đảm bảo nguồn vốn, tiến độ thực hiện... sẽ được thể hiện chi tiết tại tờ trình xin phê duyệt chủ trương đầu tư).

IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sự cần thiết và mục tiêu.

a) Sự cần thiết

Sau khi tái cơ cấu để chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần thì cho tới thời điểm hiện nay doanh nghiệp vẫn hoạt động ổn định và hiệu quả. Tuy nhiên để phù hợp với “Chiến lược phát triển doanh nghiệp giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030”, khi quy mô, tầm vóc, vị thế của Công ty được nâng lên thì việc tái cơ cấu lại doanh nghiệp là một nhiệm vụ tất yếu và cần thiết.

b) Mục tiêu đặt ra

Để thực hiện “Chiến lược phát triển doanh nghiệp giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030”, trên cơ sở nhận thức và khắc phục những tồn tại, hạn chế, mục tiêu tổng quát của tái cơ cấu đề ra là : **“Đảm bảo sự phát triển ổn định, bền vững các lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty trong giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030”**. Mục tiêu cụ thể như sau :

Một là, xác định sản phẩm chủ lực của Công ty bao gồm: Giày da, dép nhựa, ủng nhựa, mũ, quần áo mưa, tăng vinilon, ba lô, túi xách, dây thắt lưng da, phù cấp hiệu...giày vải BHLĐ, DQTV và giày vải dán hấp để tập trung đầu tư, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh để phát triển, mở rộng thị trường trong nước và xuất khẩu.

Hai là, đầu tư mới, bổ sung và cải tiến công nghệ tiên tiến cho sản phẩm chủ lực, kết hợp với việc đầu tư cho chương trình sản xuất, kinh doanh hỗ trợ để nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm, phù hợp với nhu cầu đa dạng của thị trường và nâng cao sự thỏa mãn của khách hàng.

Ba là, tái cấu trúc về cơ cấu tổ chức, theo hướng mở rộng, nâng cao năng lực của các đơn vị hiện có, cải tiến hệ thống quản trị và phát triển nguồn nhân lực, tăng năng suất lao động, tiết kiệm chi phí và khuyến khích cải tiến, sáng kiến của người lao động, tăng khả năng cạnh tranh.

Bốn là, tiếp tục hoàn thiện hệ thống các quy chế, quy định, quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả phần vốn Nhà Nước và phần vốn góp của các cổ đông nhằm đảm bảo thực hiện đúng chiến lược kinh doanh của Công ty.

Năm là, chuẩn bị đủ nguồn vốn để thực hiện mục tiêu chiến lược phát triển doanh nghiệp giai đoạn 2021-2025.

2. Các giải pháp thực hiện chiến lược phát triển danh nghiệp

2.1. Về quy hoạch chiến lược

a) Nhiệm vụ Quốc phòng.

Công ty xác định đây vẫn là nhiệm vụ chính trị trọng tâm hàng đầu. Với nhiệm vụ được giao là đảm bảo các sản phẩm giày, dép, dây thắt lưng, mũ kê pi, mũ mềm, quần áo mưa, ba lô, túi, nệm phù hiệu, cấp hiệu và một số mặt hàng tạp trang khác... cho các đơn vị Quân đội. Công ty tập trung mọi nguồn lực, đầu tư, nâng cao năng lực sản xuất để hoàn thành mọi nhiệm vụ sản xuất Quốc phòng thường xuyên, đột xuất trên giao; tập trung nghiên cứu các loại giày đặc dụng cho các quân binh chủng đảm bảo tiện dụng, cơ động cho người sử dụng. Trên cơ sở chức năng nhiệm vụ của Công ty và các Xí nghiệp thành viên. Công ty quy hoạch việc sản xuất và đảm bảo cho nhiệm vụ Quốc phòng như sau:

- Xí nghiệp 32-1: Sản xuất giày da nam, giày da nữ, tấm nylon mưa.
- Xí nghiệp 32-3: Sản xuất các mặt hàng may (dây lưng da, quần áo mưa, túi vinilon, ba lô, túi lót ba lô, mũ kê pi, mũ mềm, nệm phù cấp hiệu, ...).
- Xí nghiệp 32-7: Sản xuất giày vải, dép nhựa, đế giày, cốt mũ nhựa, các sản phẩm phụ trợ,....

b) Nhiệm vụ sản xuất kinh tế.

Ngoài nhiệm vụ trọng tâm sản xuất hàng Quốc phòng, trong suốt thời gian qua, Công ty đã khai thác các nguồn lực, kết hợp sản xuất hàng kinh tế để đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Hiện nay quy mô cũng như trình độ công nghệ, MMTB của Công ty tạm thời đáp ứng được cho sản xuất các mặt hàng kinh tế tiêu thụ nội địa, còn đối với sản xuất hàng xuất khẩu thì Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong việc tiếp cận đơn hàng lớn do quy mô, năng lực sản xuất của các khu vực chưa đáp ứng yêu cầu khách hàng đề ra. Vì vậy, chiến lược trong giai đoạn tới là củng cố, mở rộng quy mô, nâng cao năng lực sản xuất, tăng sức cạnh tranh của các Xí nghiệp, mở rộng đối tượng khách hàng. Trên cơ sở quy hoạch chiến lược cho nhiệm vụ sản xuất Quốc phòng, Công ty sẽ quy hoạch cho nhiệm vụ sản xuất hàng kinh tế theo chỉ thị tương thích công nghệ để đạt hiệu quả cao. Cụ thể :

- Xí nghiệp 32-1: Sản xuất giày da nam, giày da nữ, dép da nam, nữ.
- Xí nghiệp 32-3: Sản xuất túi, cặp da, ví bóp, dây lưng da; các mặt hàng may mặc (áo Jacket, quần áo đồng phục, BHLĐ).

- Xí nghiệp 32-5: Sản xuất giày vải dán hấp, giày thể thao thời trang.
- Xí nghiệp 32-7: Sản xuất giày vải BHLĐ theo công nghệ ép đúc, dép nhựa, đế giày, mũ bảo hiểm xe máy, sản phẩm phụ trợ cho ngành giày, may.
- Củng cố, bổ sung, nâng cao hiệu quả của bộ phận Marketing, xây dựng chiến lược marketing và phát triển thương hiệu để thực hiện chiến lược phát triển của Công ty theo hướng lấy sản phẩm giày – dép làm trọng tâm, các sản phẩm túi, cặp, dây lưng da là sản phẩm hỗ trợ trong chiến lược phát triển thương hiệu.
- Củng cố, nâng cấp, mở rộng trung tâm mẫu để nâng cao năng lực nghiên cứu, chế thử, phát triển mẫu nhằm tới nhiều đối tượng sử dụng để mở rộng thị phần, nâng cao khả năng tiêu thụ, phát triển đơn hàng.
- Tái cơ cấu lại hệ thống các đơn vị Thương mại, mở rộng hệ thống đại lý trên các địa bàn, vùng miền.

2.2. Về đầu tư, phát triển

Đầu tư bổ sung, đầu tư mới MMTB có công nghệ tiên tiến cho các sản phẩm chủ lực và các lĩnh vực sản xuất kinh doanh để nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm phù hợp với nhu cầu đa dạng của thị trường, nâng cao sự thỏa mãn khách hàng tạo điều kiện cho việc tiếp cận các đơn hàng, các khách hàng lớn.

Đầu tư thiết bị công nghệ hiện đại cho sản xuất sản phẩm chủ lực để phục vụ tốt cho nhiệm vụ sản xuất hàng Quốc phòng và nhu cầu của thị trường. Việc đầu tư cho sản phẩm chủ lực được xác định như sau:

- Khu vực Xí nghiệp 32-1 sản xuất giày da: đầu tư bổ sung, thay thế các MMTB mới, có công nghệ tiên tiến (Hệ thống băng chuyền dán đế 2 tầng; máy cắt laser; máy vẽ, cắt da; máy chắt tự động và các loại máy may, máy gò tự động...) để nâng cấp, đồng bộ hóa cho 02 dây chuyền giày da hiện tại, công suất dự kiến 900.000 đôi/năm.

- Khu vực Xí nghiệp 32-3 sản xuất các mặt hàng may mặc: đầu tư thêm các máy chuyên dùng thế hệ mới (máy may lập trình, máy tán nút tự động, máy ép seam...) để nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm.

- Khu vực Xí nghiệp 32-5 sản xuất giày vải dán hấp: đầu tư bổ sung một số thiết bị tiên tiến (máy cán luyện cao su màu; thùng sấy tia cực tím; thùng định hình lạnh; máy may lập trình, ...) để đồng bộ hóa, nâng cao năng lực dây chuyền sản xuất hiện có, công suất dự kiến 1.200.000 đôi/năm.

- Khu vực Xí nghiệp 32-7 sản xuất giày ép đúc, đế giày, dép nhựa: đầu tư thay thế các MMTB cũ, chất lượng xuống cấp (máy luyện kín, máy cán hồ; máy ép phun PU, máy ép phun nhựa, Robot phun sơn, lò dầu truyền nhiệt, máy ép lưu hóa trực tiếp đế giày), để cung cấp sản phẩm phụ trợ cho các Xí nghiệp thành viên và đáp ứng nhu cầu của thị trường.

- Đầu tư cho xây dựng chiến lược marketing, phát triển thương hiệu phù hợp với mục tiêu bản đề án này đã đề ra.

2.3. Về vốn và tài sản

Nguồn vốn để thực hiện phương án tái cơ cấu Công ty giai đoạn 2021-2025 được hình thành từ nguồn quỹ đầu tư phát triển hàng năm của Công ty.

Bảng 15: Dự kiến nguồn vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025

(đơn vị tính: triệu đồng).

TT	Nguồn vốn	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Chia theo nguồn vốn	28.331,19	36.643,32	27.100,00	12.500,00	15.307,72
1.1	NS Nhà nước					
1.2	NS Quốc phòng					
1.3	Tự bổ sung	28.331,19	36.643,32	27.100,00	12.500,00	15.307,72
1.4	Nguồn vốn của khách và vay NH					
2	Chia theo kết cấu	28.331,19	36.643,32	27.100,00	12.500,00	15.307,72
2.1	Đầu tư XDCB	13.326,19	22.872,00	18.600,00		
2.2	Đầu tư MMTB	15.005,00	8.150,00	8.500,00	12.500,00	15.307,72

2.4. Về ngành nghề kinh doanh

Sau 40 năm xây dựng, phát triển, Công ty cổ phần 32 đã nhận thức được; để phát triển ổn định, phù hợp với sự biến động của thị trường thì cần tập trung đầu tư, phát triển một ngành sản xuất kinh doanh mũi nhọn, kết hợp với các ngành sản xuất kinh doanh hỗ trợ khác.

Trong chiến lược sản xuất kinh doanh, Công ty cổ phần 32 xác định ngành sản xuất giày da, giày vải, may mặc là ngành sản xuất kinh doanh chính trong đó giày da, giày vải là sản phẩm mũi nhọn, ngành may mặc và công nghiệp phụ trợ là ngành sản xuất hỗ trợ với chức năng thực hiện nhiệm vụ sản xuất các mặt hàng tạp trang phục vụ Quốc phòng kết hợp làm kinh tế, ngành kinh doanh bất động sản để khai thác mặt bằng và kinh doanh dịch vụ (nguyên liệu, MMTB ngành giày).

Vì vậy, trong “Chiến lược phát triển doanh nghiệp giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030”, Công ty đề xuất cơ bản vẫn giữ nguyên ngành nghề kinh doanh như trong đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Sản xuất giày dép, hàng may mặc, sản phẩm nhựa;
- Sản xuất, mua bán, gia công sản phẩm, nguyên phụ liệu, thiết bị phụ tùng ngành may-da giày-nhựa và bảo hộ lao động, đồng phục;
- Kinh doanh bất động sản: mặt bằng, kho bãi.

Trong đó, lấy ngành sản xuất kinh doanh giày dép là vai trò cốt lõi trong quá trình phát triển; lĩnh vực kinh doanh may mặc và Bất động sản, kinh doanh dịch vụ giữ vai trò hỗ trợ cho quá trình phát triển của Công ty. Lấy sản phẩm giày trong đó mũi nhọn là sản phẩm giày da làm nền tảng và xây dựng thương

hiệu sản phẩm, thương hiệu Công ty; các ngành kinh doanh khác nhằm thực hiện nhiệm vụ quốc phòng trên giao kết hợp với sản xuất kinh tế để đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động, mang lại hiệu quả và chia bớt rủi ro trong sản xuất kinh doanh của Công ty.

2.5. Về lao động, tiền lương

a) Lao động

Theo kế hoạch đầu tư, phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong giai đoạn 2021-2025. Mục tiêu của Công ty là giữ vững ổn định lao động, đặc biệt là lao động có tay nghề cao để đáp ứng yêu cầu sử dụng máy móc, công nghệ tự động hóa nhằm tăng năng suất lao động, tăng thu nhập cho người lao động. Cụ thể như sau:

Bảng 16: Cơ cấu lao động phân theo đơn vị sử dụng (Đơn vị: người)

TT	Đơn vị	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Khối cơ quan	85	85	85	85	85
2	Xí nghiệp 32 - 1	290	290	290	290	290
3	Xí nghiệp 32 - 3	240	240	240	240	240
4	Xí nghiệp 32 - 5	435	450	450	450	450
5	Xí nghiệp 32 - 7	150	150	150	150	150
6	XN Thương mại	12	12	12	12	12
7	Chi nhánh Hà Nội	10	10	10	10	10
8	Chi nhánh Đắk Lắk	10	10	10	10	10
9	Cửa hàng GTSP	8	8	8	8	8
Tổng cộng		1.240	1.255	1.255	1.255	1.255

Bảng 17: Cơ cấu lao động theo trình độ đào tạo (Đơn vị: người)

TT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Trên đại học	01	01	01	01	01
2	Đại học	69	69	69	69	69
3	Cao Đẳng	45	45	45	45	45
4	Trung cấp, thợ bậc cao	300	310	320	330	340
5	Lao động khác	825	830	820	810	800
Tổng cộng		1.240	1.255	1.255	1.255	1.255
Độ tuổi trên 35 tuổi		590	600	600	600	600
Độ tuổi dưới 35 tuổi		650	655	655	655	655

b) Tiền lương

- Công ty luôn cải cách chế độ tiền lương nhằm thu hút và giữ lao động có tay nghề, chuyên môn kỹ thuật cao.

- Có chính sách lương thưởng hợp lý, giải quyết hài hòa lợi ích giữa các cổ đông và người lao động.

- Duy trì hệ thống thang bảng lương theo đúng quy định của pháp luật, nâng và chuyển xếp lương cho người lao động theo Nghị định 153/2016/NĐ-CP.

2.6. Về khoa học, công nghệ và bảo vệ môi trường và BHLĐ.

- Đầu tư mới máy móc, thiết bị sử dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường.

- Hằng năm thực hiện tốt các nội dung công tác quản lý và bảo vệ môi trường; Thực hiện các biện pháp quản lý, thu gom chất thải; Chủ động ứng phó với sự cố hỏa hoạn, cháy nổ, sự cố thiên tai.

- Định kỳ đánh giá lại các tác động môi trường, đề ra các mục tiêu, chỉ tiêu môi trường, tổ chức thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu đó, nâng cao tính hiệu lực, hiệu quả của hệ thống quản lý môi trường.

- Hợp tác với các cơ quan quản lý, cộng đồng dân cư, nhà cung ứng để hoàn thành tốt nghĩa vụ “Bảo vệ môi trường cộng đồng”.

- Hằng năm đề ra kế hoạch cải tiến quy trình sản xuất nhằm giảm tiêu hao vật tư, nguyên, nhiên liệu, đẩy mạnh việc sử dụng nguyên, vật liệu thay thế hạ giá thành sản phẩm. Áp dụng công nghệ sản xuất sạch hơn, ngăn ngừa và giảm thiểu ô nhiễm đất, nước, không khí.

- Thường xuyên quan tâm, thực hiện tốt các nội dung về kiểm toán và áp dụng các giải pháp tiết kiệm năng lượng trong doanh nghiệp.

- Thường xuyên làm tốt công tác trang bị BHLĐ và an toàn vệ sinh lao động; tổ chức tập huấn hàng năm về PCCC, huấn luyện về an toàn vệ sinh lao động; tổ chức học tập và thi lấy giấy chứng nhận đối với những người trực tiếp vận hành, sử dụng các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.

2.7. Về tổ chức quản lý, cải cách hành chính.

a) Về tổ chức quản lý, cải cách hành chính.

- Cải tiến hệ thống quản trị: Trên cơ sở kiên định tầm nhìn, mục tiêu, chiến lược phát triển tổng thể đến năm 2030 và những năm tiếp theo triển khai các giải pháp để thực hiện nhiệm vụ chiến lược theo sự thay đổi của môi trường kinh doanh; rà soát, kiện toàn lại các quy chế, quy định về quản lý cho phù hợp với chiến lược phát triển doanh nghiệp giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030, đảm bảo tuân thủ Pháp luật và thực tế hoạt động SXKD của đơn vị.

- Thực hiện có nền nếp quy chế bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ đảm bảo đúng quy trình, quy định của Tổng cục Hậu cần và Bộ Quốc phòng, phù hợp với điều kiện thực tế của doanh nghiệp.

- Cải tiến công tác chỉ đạo điều hành dựa trên cơ sở tầm nhìn, mục tiêu chiến lược và kế hoạch tổng thể được duyệt, đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh được thuận lợi, thông suốt.

b) Cơ cấu tổ chức của Công ty sau khi thực hiện tái cơ cấu.

Với mô hình cơ cấu tổ chức của Công ty như hiện tại là phù hợp với tình hình sản xuất - kinh doanh của Công ty. Chức năng nhiệm vụ của các phòng, các Xí nghiệp, Chi nhánh vẫn giữ nguyên, cụ thể như sau:

- Phòng Sản xuất-Kinh doanh: Tham mưu giúp Ban Điều hành Công ty trong các công tác xây dựng kế hoạch, các hoạt động kinh doanh, điều độ sản xuất, công tác vật tư, quản lý vật tư, thành phẩm; nghiệp vụ xuất nhập khẩu.

- Phòng Tài chính-Kê toán: Tham mưu giúp Ban Điều hành Công ty trong các lĩnh vực như thu thập, xử lý thông tin, số liệu kế toán và tổ chức hạch toán theo đối tượng và nội dung công việc kế toán. Kiểm tra giám sát các khoản thu chi tài chính và các nghiệp vụ kế toán.

- Phòng Kỹ thuật-Công nghệ: Tham mưu giúp Ban Điều hành Công ty trong các lĩnh vực như quản lý công tác kỹ thuật, công nghệ sản xuất, các vấn đề sở hữu trí tuệ trong hoạt động sản xuất - kinh doanh của Công ty, đào tạo, sát hạch tay nghề, quản lý Trung tâm mẫu.

- Phòng Tổ chức-Hành chính: Tham mưu giúp Ban Điều hành Công ty trong các lĩnh vực như lao động-tiền lương, chế độ, chính sách, tuyển dụng, đào tạo huấn luyện nguồn nhân lực, công tác văn thư lưu trữ, quản lý đất đai, nhà xưởng, công tác y tế, phục vụ ăn ca, đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị trong Công ty.

- Trung tâm mẫu : Phối hợp với các phòng chức năng tham mưu, đề xuất cho Ban Điều hành Công ty các nhiệm vụ liên quan đến chiến lược mẫu và phát triển sản phẩm mới; chuyển giao quy trình công nghệ sản xuất các sản phẩm mới cho các đơn vị theo các chương trình sản xuất, kinh doanh trong nước và xuất khẩu; Phối hợp với phòng Kỹ thuật - Công nghệ xây dựng định mức vật tư, lao động, quy trình công nghệ và chuyển giao công nghệ sản xuất sản phẩm mới

- Xí nghiệp 32-1: Sản xuất giày, dép da nam nữ, may mũ giày vải cung cấp cho Xí nghiệp 32-7 và một số sản phẩm khác theo nhu cầu đặt hàng của Quốc phòng an ninh, các sản phẩm phục vụ cho tiêu thụ nội địa và xuất khẩu.

- Xí nghiệp 32-3: Sản xuất các mặt hàng may mặc như dây lưng da, ba lô, mũ kèpi, mũ mềm, quần áo mưa, tăng vinilon, túi lót ba lô, túi, cặp, phù cấp hiệu... phục vụ Quốc phòng an ninh, tiêu thụ nội địa và các mặt hàng may gia công xuất khẩu.

- Xí nghiệp 32-5: Sản xuất giày vải dán hấp, giày thể thao thời trang xuất khẩu và tiêu thụ nội địa.

- Xí nghiệp 32-7: Sản xuất giày vải, giày da ép đúc, dép nhựa, đế giày (đế cao su, TPR, TP, PU), mũ bảo hiểm, mũ BHLĐ, gia công một số sản phẩm, dịch vụ phụ phù trợ phục vụ ngành giày, may.

- Xí nghiệp Thương mại và cửa hàng GTSP: Tổ chức tiêu thụ các sản phẩm của Công ty trên thị trường nội địa khu vực các tỉnh phía Nam; kinh doanh các mặt hàng thuộc phạm vi ngành hàng của Công ty.

- Chi nhánh Hà Nội và Đăklăk: đại diện cho Công ty tại Hà Nội, các tỉnh phía Bắc và khu vực Tây Nguyên. Tổ chức tiêu thụ các sản phẩm của Công ty trên địa bàn được phân công và tiến hành một số hoạt động trong phạm vi địa bàn, ngành nghề kinh doanh của Công ty.

3. Tiến độ triển khai thực hiện chiến lược

Năm 2021

- Xác định sản phẩm chủ lực và thị trường mục tiêu cho các ngành sản xuất của Công ty.
- Tiếp tục triển khai đầu tư bổ sung MMTB, nâng cao năng lực sản xuất của các khu vực theo dự án đầu tư đã được Thủ trưởng Tổng cục Hạn cần phê duyệt và Hội đồng quản trị thông qua.
- Cải tạo, nâng cấp hệ thống PCCN; nâng cấp và trải nhựa đường nội bộ Công ty; cải tạo mở rộng Văn phòng Công ty.
- Rà soát, hoàn thiện lại các quy chế, quy định về quản lý cho phù hợp với “Chiến lược phát triển doanh nghiệp giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030” sau khi được thông qua.
- Triển khai xây dựng chiến lược Marketing và chiến lược phát triển thương hiệu sản phẩm, thương hiệu của Công ty. Xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển mạng lưới tiêu thụ sản phẩm của Công ty trước mắt ưu tiên phát triển tại thị trường trong nước.

Năm 2022

- Tiếp tục triển khai đầu tư bổ sung MMTB, nâng cao năng lực sản xuất của các khu vực theo dự án đầu tư đã được Thủ trưởng Tổng cục Hạn cần phê duyệt và Hội đồng quản trị thông qua.
- Quan tâm, cải tạo điều kiện môi trường làm việc để đảm bảo sức khỏe cho người lao động; có chính sách tiền lương, tiền thưởng hợp lý để động viên khuyến khích người lao động an tâm gắn bó lâu dài với Công ty nhằm ổn định lao động, ổn định sản xuất và chất lượng sản phẩm.
- Triển khai xây dựng xưởng cán luyện và nhà kho Xí nghiệp 32-5/Công ty cổ phần 32.
- Áp dụng Công nghệ thông tin để nâng cấp hệ thống quản lý kho vật tư, thành phẩm từ Công ty đến các Xí nghiệp thành viên.

Năm 2023

- Tiếp tục mua sắm MMTB, công nghệ, nâng cao năng lực cho sản phẩm mũi nhọn và đầu tư phát triển công nghiệp phụ trợ tạo thế chủ động trong sản xuất kinh doanh.
- Thực hiện tốt nhiệm vụ thiết kế mẫu mã hướng tới nhiều đối tượng sử dụng để phát triển thị trường, mở rộng thị phần trong đó chú trọng hướng vào giày cho lớp trẻ, giày thể thao thời trang, giày nữ và trẻ em, giày xuất khẩu, túi cặp, dây lưng da thời trang, sản phẩm công nghiệp nhựa.
- Đánh giá tình hình thực hiện chiến lược Marketing để bổ sung xây dựng kiện toàn cho sát tình hình thực tế, phát sinh.
- Tăng cường công tác quảng bá, nâng cao hình ảnh uy tín, thương hiệu của Công ty cổ phần 32 ra thị trường trong và ngoài nước.
- Triển khai xây dựng xưởng lưu hóa Xí nghiệp 32-7/Công ty cổ phần 32.

Năm 2024 - 2025 và những năm tiếp theo

- Tiếp tục triển khai đầu tư bổ sung MMTB, nâng cao năng lực sản xuất của các khu vực theo dự án đầu tư đã được Thủ trưởng Tổng cục Hậu cần phê duyệt và Hội đồng quản trị thông qua.

- Tiếp tục quan tâm, cải tạo điều kiện môi trường làm việc để đảm bảo sức khỏe cho người lao động; xây dựng chính sách tiền lương, tiền thưởng hợp lý để động viên khuyến khích người lao động an tâm gắn bó lâu dài với Công ty nhằm ổn định lao động, ổn định sản xuất và chất lượng sản phẩm.

- Chăm lo phát triển nguồn nhân lực, kiện toàn biên chế tổ chức, tuyển dụng đào tạo bổ nhiệm, bổ sung các chức danh quản lý và nâng cao nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu phát triển; đào tạo nâng cao năng lực, trình độ cho đội ngũ cán bộ và nhân viên nghiệp vụ cho phù hợp với nhu cầu để tạo sự năng động, sáng tạo trong thực thi chức trách nhiệm vụ; bố trí xếp sắp đúng người đúng việc nhằm phát huy tối đa tài năng trí tuệ, sở trường của từng người phục vụ cho sự phát triển của Công ty trước mắt và lâu dài.

Phần IV
KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Để thực hiện thành công “Chiến lược phát triển doanh nghiệp giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030” theo trình tự đã trình bày ở trên, Công ty cổ phần 32 kính đề nghị Thủ trưởng Bộ Quốc phòng và Thủ trưởng Tổng cục Hậu cần cùng các cơ quan chức năng xem xét giảm tiền thuê đất quốc phòng trong giai đoạn suy thoái kinh tế toàn cầu vì ảnh hưởng của dịch Covid-19 và giúp đỡ Công ty về vốn trong các chương trình đầu tư phát triển của Công ty.

Trên đây là “Chiến lược phát triển doanh nghiệp giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030”. Công ty cổ phần 32 báo cáo và kính mong nhận được sự quan tâm chỉ đạo thường xuyên của Thủ trưởng Tổng cục Hậu cần và hướng dẫn của các cơ quan cấp trên để Công ty phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. /.

Nơi nhận :

- Thủ trưởng Tổng cục Hậu cần;
- Bộ Tham mưu/TCHC;
- Phòng Tài chính/TCHC;
- Phòng KHTH/BTM;
- Ban Điều hành Công ty;
- Lưu: VT, SX-KD. C10.

CHỦ TỊCH HĐQT



Thượng tá Nguyễn Thế Anh

DỰ KIẾN TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ HUY ĐỘNG VỐN ĐỂ ĐẦU TƯ VÀO CÁC DỰ ÁN HÌNH THÀNH TSCĐ VÀ XD CB

Kỳ báo cáo : 01/01/2020 - 31/12/2020

ĐVT : triệu đồng

TT	Tên Dự án	Quyết định phê duyệt (hợp đồng kinh tế)	Tổng mức vốn đầu tư				Nguồn vốn huy động				Giá trị khối lượng thực hiện				Giải ngân đến ngày			Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng
			Tổng	Vốn CSH	%	Vốn huy động	%	Thời hạn vay	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến ngày	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến ngày	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến ngày	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	12	14	15	16	17	18	19
A	Đầu tư XD CB		598,61	598,61									598,61			598,61		538,74
1	Mở rộng nhà xưởng và phòng quản đốc mới XN1	27/4/2020-SC-CTCP32 ngày 27/4/2020	95,38	95,38	100			12/05/2020					95,38	06/05/2020		95,38	11/05/2020	86,71
2	Nội thất gỗ phòng họp số 02	03/6/2020-SC-CTCP32 ngày 3/6/2020	114,42	114,42	100			28/06/2020					114,42	10/06/2020		114,42	17/06/2020	104,02
3	Máng xối Inox tại PX để PU-XN7	06/07/2020-SC-CTCP32 ngày 06/07/2020	66,77	66,77	100			26/07/2020					66,77	26/07/2020		66,77	26/07/2020	55,25
4	Tường rào Công ty CP 32 tại khu đất Bình Chiểu	02/07/2020-SC-CTCP32 ngày 02/07/2020	233,83	233,83	100			26/07/2020					233,83	26/07/2020		233,83	26/07/2020	212,57
5	Hệ thống xử lý nước thải	02/POLY-CP32/HDKT/HS-2020	88,22	88,22	100			15/12/2020					88,22	10/12/2020		88,22	10/12/2020	80,20
B	Đầu tư MMTB, phụ thiết bị các loại		6.255,57	6.255,57	100								5.833,38		296,35	5.833,38		5.674,89
1	Máy ép hồng 4 chiều YM-7059 Máy xén lát TY-202	007/2019-HDMB/VP-32 ngày 2/12/2019	380,35	380,35	100			20/02/2020					228,21	30/01/2020	152,14	228,21	20/02/2020	345,77
2	Máy gò gót giày CF-727DP	07VN/32-CF ngày 3/12/2019	148,83	148,83	100	-		31/01/2020					4,62	31/01/2020	144,21	4,62	31/01/2020	148,83
3	Máy chặt thủy lực CF-526BT	CF201900072 ngày 3/12/2019	254,10	254,10	100			31/01/2020					254,10	31/01/2020		254,10	31/01/2020	254,10
4	Khuôn dập nhựa namQP	05-2019/HĐ-KHH-X32 ngày 13/11/2019	99,00	99,00	100			25/03/2020					99,00	28/02/2020		99,00	25/03/2020	90,00
5	Tủ sấy xe khay (nhà ăn)	08/04/2020/HĐKT/TT-32 ngày 8/4/2020	78,650	78,65	100			08/05/2020					78,65	08/05/2020		78,65	29/05/2020	71,50
6	Máy may Sunstar trụ 1 kim, 2 kim điện tử	KD2303/NV-CP32/2020 ngày 23/3/2020	323,85	323,85	100			23/05/2020					323,85	25/05/2020		323,85	10/06/2020	294,41



TT	Tên Dự án	Quyết định phê duyệt (hợp đồng kinh tế)	Tổng mức vốn đầu tư				Nguồn vốn huy động			Giá trị khối lượng thực hiện			Giải ngân đến ngày			Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng		
			Tổng	Vốn CSH	%	Vốn huy động	%	Tổng số	Thời hạn vay	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến ngày	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ		Thực hiện đến ngày	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	12	14	15	16	17	18	19
7	Máy may bảng 2 kim Brother	019TH/2020/HDKT ngày 14/3/2020	69,94	69,94	100			31/05/2020					69,94	22/5/2020		69,94	10/06/2020	63,58
8	Hệ thống máy hút âm Harison HD 192-B (12 máy)	110620/CP32-ENCO/HĐMB ngày	578,86	578,86	100			30/06/2020					578,86	18/06/2020		578,86	17/07/2020	526,24
9	Hệ thống máy chiếu Phòng họp Công ty	3522/HDKT2020/ACHA U-32 ngày 20/07/2020	50,85	50,85	100			30/07/2020					50,85	23/07/2020		50,85	30/7/2020	46,23
10	Máy may 1 kim điện tử, 2 kim di động cơ	02-21/DH/CP32 ngày 10/02/2020	210,43	210,43	100			10/04/2020					210,43	10/08/2020		210,43	10/08/2020	191,30
11	Khuôn rập son 3 màu nón A2	03-2020/HĐ-KHH-X32 ngày 07/07/2020	66,00	66,00	100			11/08/2020					66,00	11/08/2020		66,00	11/08/2020	60,00
12	Bộ máy chủ của Phần mềm HDDT	1071780/0E546ABBCF ngày 08/09/2020	132,31	132,31	100			31/10/2020					132,31	12/10/2020		132,31	12/10/2020	120,28
13	Khuôn rập son 3 màu nón A2	04-2020/HĐ-KHH-X32 ngày 07/10/2020	66,00	66,00	100			09/11/2020					66,00	09/11/2020		66,00	09/11/2020	60,00
14	Máy định hình lạnh DS-726TR-3.8M	GF/32-004/20 ngày 21/08/2020	548,58	548,58	100			21/11/2020					548,58	18/11/2020		548,58	18/11/2020	548,58
15	Máy gò tự động eo và gót giày CF-639A	02VN/32-CF ngày 25/04/2020	680,44	680,44	100			10/07/2020					680,44	19/11/2020		680,44	19/11/2020	680,44
16	Phần mềm HDDT năm 2020	200905-HĐĐT ngày 05/09/2020	210,00	210,00	100			18/12/2020					84,00	14/09/2020		84,00	14/09/2020	
17	Máy may trụ 1 kim, 2 kim điện tử	KD1311/NV-CP32/2020 ngày 13/11/2020	144,54	144,54	100			31/12/2020					144,54	18/11/2020		144,54	18/11/2020	131,40
18	Máy may cạnh đế giày CP-168	01/2020/HĐMB/NMC-32 ngày 22/12/2020	110,00	110,00	100			31/12/2020					110,00	29/12/2020		110,00	29/12/2020	100,00
19	Máy đóng đinh gót giày tự động	GF/32-007/20 ngày 21/10/2020	248,50	248,50	100			31/12/2020					248,50	26/10/2020		248,50	26/10/2020	248,66
20	Máy xén viền TY-202	GF/32-008/20 ngày 12/11/2020	37,93	37,93	100			31/12/2020					37,93	31/12/2020		37,93	31/12/2020	37,93
C	Máy móc, khuôn đế, phụ tùng các loại khác (không đủ điều kiện hình thành tài sản)		1.816,41	1.816,41	100								1.816,41			1.816,41		1.655,64
TỔNG CỘNG NĂM 2020			6.854,18	6.854,18	100,00	-	-		-	-	296,35	296,35	6.431,99	-	296,35	6.431,99	-	6.213,63

TỔNG CỤC HẬU CẦN
CÔNG TY CỔ PHẦN 32

Biểu mẫu số 02.B

BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN 32 VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NĂM 2020



TT	Tên công ty con, công ty liên kết	Vốn góp của doanh nghiệp, giá trị đầu tư				Vốn điều lệ	Vốn CSH của công ty con, công ty liên kết	Doanh thu		Lợi nhuận sau thuế		Cổ tức hoặc LN được chia năm báo cáo	Tỷ lệ LN được chia/vốn đầu tư (%)	Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn của công ty con, công ty liên kết	Hệ số nợ/vốn CSH của công ty con, công ty liên kết
		Giá trị vốn góp	Tỷ lệ vốn góp (%)	Kế hoạch	Năm trước			Năm 2018	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2019				
1	2	Kế hoạch	Năm 2018	Tại thời điểm 31/12/2019	Kế hoạch	Năm trước	Tại thời điểm 31/12/2019	11	12	13	14	15	16=15/5	17	18
I	Đầu tư tài chính														
	Cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Quân đội	10.572,57	10.572,57	10.572,57				x	x	x	x	16%		x	x

ĐVT: triệu đồng

Ghi chú : Năm 2020 NH Quân đội thực hiện chia cổ tức 2019 cho Công ty bằng cổ phiếu tỷ lệ 15,93%

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN 5 NĂM 2021-2025
(Kèm theo Công văn số 2109 /HC-TM ngày 30/10/2020 của Tổng cục Hậu cần)



TT	Tên dự án/công trình	Nhóm dự án	Địa điểm thực hiện dự án/công trình	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Lĩnh vực đầu tư (VSIIC 2018)	Quyết định đầu tư						Lũy kế vốn đầu tư đến 31/12/2015				Số vốn đầu tư thực hiện từ 01/01/2016 đến 31/12/2020				Nhu cầu vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025				Ghi chú		
							Số QĐ ngày, tháng, năm	Cấp quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Cộng		Số QĐ ngày, tháng, năm	Cấp quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Cộng		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
										Vốn chủ sở hữu	Vay				Vốn chủ sở hữu	Vay		Vốn chủ sở hữu	Vay		Vốn chủ sở hữu	Vay		Vốn chủ sở hữu		Vay	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=11+12	11	12	13	14	15=16+17	16	17	18=19+20	19	20	21=22+23	22	23	24=25+26	25	26		
I	Dự án chuyển tiếp từ trước năm 2016 sang giai đoạn 2016-2020																										
a	Dự án hoàn thành trong năm 2016-2020																										
1	Xây dựng Công trình Chi nhánh Hà Nội/Công ty CP 32		Khu đất N10, Xuân Đình, Huyện Từ Liêm, Hà Nội	Công ty CP 32			Văn bản số 563/HC-KTe ngày 01/07/2013	Tổng Cục Hậu cần	5.132,37	5.132,37	5.132,37									6.402,93	6.402,93						
b	Dự án dùng thực hiện trong năm 2016-2020																										
c	Dự án chuyển tiếp và hoàn thành trong năm 2021-2025																										
II	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020																										
a	Dự án hoàn thành trong năm 2016-2020																										
	Máy móc, thiết bị																										
1	Mua sắm Xe ô tô Toyota Fortuner 7 chỗ	I						Bộ Tổng Tham mưu																			
2	Mua sắm Xe Toyota Lancaiser Prado TX-L 7 chỗ	I	170 Quang Trung, P10, Quận Gò Vấp, TP. HCM	Công ty CP 32																							
3	Dây chuyền sản xuất dây lưng da XN32-3/Công ty CP 32	I																									



TT	Tên dự án/công trình	Số dự án	Địa điểm thực hiện dự án/công trình	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Lĩnh vực đầu tư (VSIK 2018)	Quyết định đầu tư						Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án (hoặc q/định phê duyệt quyết toán)				Lũy kế vốn đầu tư đến 31/12/2015			Số vốn đầu tư thực hiện từ 01/01/2016 đến 31/12/2020			Nhu cầu vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025			Ghi chú		
							Số QĐ ngày, tháng năm	Cấp quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Cộng	Số QĐ ngày, tháng năm	Cấp quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Cộng	Số QĐ ngày, tháng năm	Cấp quyết định	Tổng số	Trong đó	Vốn chủ sở hữu	Vốn vay	Tổng số	Trong đó	Vốn chủ sở hữu	Vốn vay	Tổng số		Trong đó	Vốn chủ sở hữu
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=11+12	11	12	13	14	15=16+17	16	17	18=19+20	19	20	21=22+23	22	23	24=25+26	25	26	27		
III	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025																											
1	Mua sắm MMTB																											
a)	Máy móc, thiết bị nâng cao năng lực sản xuất cho các XN																											
	Mua sắm MMTB cho XN32-1		170 Quang Trung, P.10, Quận Gò Vấp, TP. HCM																									
	Mua sắm MMTB cho XN32-3																											
	Mua sắm MMTB cho XN32-5		170 Quang Trung, P.10, Quận Gò Vấp, TP. HCM																									
	Mua sắm MMTB cho XN32-7																											
b)	Máy móc, thiết bị phục vụ công tác quản lý																											
2.	Nhà cửa, kiến trúc																											
	Cải tạo, nâng cấp trải nhựa đường nội bộ Công ty																											
	Cải tạo, mở rộng Văn phòng Công ty		170 Quang Trung, P.10, Quận Gò Vấp, TP. HCM																									
	Xây dựng Công trình xứng cán luyện và nhà kho XN 32-5																											
	Xây dựng Công trình xứng lưu hóa XN 32-7																											



Phụ lục:

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU TỔNG HỢP GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Kèm theo Chiến lược phát triển doanh nghiệp số 405/CT-CTCP ngày 18/6/2021 của Công ty cổ phần 32)



(Đơn vị: triệu đồng)

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	So sánh 2020/2016	Ghi chú
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(1)	C
1	Tổng doanh thu sản xuất	645.049,0	625.494,4	660.641,5	703.596,7	738.060,0	114,42%	
2	Lợi nhuận trước thuế	43.247,84	41.944,97	51.500,79	56.594,62	50.108,2	115,86%	
3	Thu nộp ngân sách	55.535,81	53.544,57	51.793,65	54.625,36	51.679,4	93,06%	
	Nộp ngân sách NN	41.240,58	38.409,50	35.558,30	46.640,95	44.778,9	108,58%	
	Nộp ngân sách QP	14.295,22	15.135,07	16.235,36	7.984,41	6.900,5	48,27%	
4	Thu nhập bình quân của NLD (đồng/tháng)	8.172.930	8.424.738	9.250.298	10.372.444	10.744.143	131,46%	
5	Cổ tức (%)	22	22	22	22	22	100,00%	

TỜ TRÌNH

**Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần 32
về lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2022**

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP 32

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14;
- Căn cứ các văn bản pháp luật có liên quan;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần 32;
- Xét tình hình hoạt động thực tế.

Hội đồng Quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2022 thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán năm 2022 như sau:

Xét năng lực của các công ty kiểm toán độc lập được Bộ Tài chính và Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp nhận thực hiện kiểm toán, Hội đồng quản trị đề xuất với Đại hội chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE), Trụ sở chính: Tầng 11 tòa nhà Sông Đà, số 165 đường Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội Tel: (024) 62670491, Fax: (024) 62670494, Web: www.vae.com.vn thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: HĐQT. Nh02

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Thế Anh

TỜ TRÌNH

**V/v bổ sung sửa đổi điều lệ và ban hành các quy chế
của Công ty Cổ phần 32**

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP 32

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.

- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán

- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần 32 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 08/01/2008, sửa đổi, bổ sung năm 2017, sửa đổi bổ sung năm 2018; sửa đổi bổ sung năm 2021.

Tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2022, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần 32 xem xét biểu quyết thông qua việc bổ sung sửa đổi điều lệ và ban hành các quy chế sau đây:

1. Bổ sung sửa đổi Điều lệ công ty:

- Bổ sung thêm điều khoản trong Điều 47 chương XIII: Tùy theo nhu cầu đầu tư phát triển của Công ty trong từng thời kỳ; Căn cứ theo quy định của pháp luật hiện hành, mức trích lập Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ khen thưởng ban quản lý điều hành công ty và các loại quỹ khác sẽ được Hội đồng Quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

- Sửa đổi mục b khoản 3 Điều 35 chương VIII:

Nội dung điều lệ hiện hành: Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

Đề xuất sửa đổi: Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm tổ chức và điều hành theo sự phân công trong Ban Điều hành công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

2. Thông qua Quy chế nội bộ về Quản trị công ty.

3. Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.



4. Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

(Nội dung chi tiết các tài liệu được đăng tải tại Website:
www.congtycp32.com.vn của Công ty)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: HĐQT. Nh02

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thế Anh



DỰ THẢO QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG	2
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.....	2
Điều 2. Đối tượng áp dụng.....	2
CHƯƠNG 2. ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG	3
Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	3
Điều 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	3
Điều 5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.....	7
CHƯƠNG 3. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	8
Điều 6. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị.....	8
Điều 7. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	10
Điều 8. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	14
Điều 9. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị.....	14
Điều 10. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty	16
CHƯƠNG 4. BAN KIỂM SOÁT	18
Điều 11. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát.....	18
Điều 12. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát.....	19
CHƯƠNG 5. TỔNG GIÁM ĐỐC	21
Điều 13. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc.....	21
Điều 14. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc.....	21
CHƯƠNG 6. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC	22
Điều 15. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc.....	22
Điều 16. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác.....	24
CHƯƠNG 7. HIỆU LỰC THI HÀNH	24
Điều 17. Hiệu lực thi hành.....	24

CÔNG TY CỔ PHẦN 32

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh ngày tháng năm 2022

QUY CHẾ
NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần 32.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày tháng năm 2022

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần 32

Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần 32 bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I

PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những người liên quan.

CHƯƠNG 2

ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.

- Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần.
- Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại điều 15 Điều lệ Công ty.

Điều 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông: Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường.

2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp: Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông: Công ty công bố thông tin về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông dự họp.

4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả cổ đông theo quy định tại khoản 3 điều 18 Điều lệ Công ty.

5. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông: Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.
- Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- Các công việc khác phục vụ đại hội.

6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

- Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

- Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của

pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp theo quy định tại khoản 2 điều 16 Điều lệ công ty.

- Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông:

- Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông được quy định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm liên hệ Công ty hoặc gửi Giấy đăng ký tham dự Đại hội (được đính kèm Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông gửi cho cổ đông và đăng trên website của công ty) về công ty.

- Trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

- Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền đến dự Đại hội mang theo các giấy tờ sau:

+ Giấy tờ pháp lý của cá nhân.

+ Giấy ủy quyền (trường hợp đại diện ủy quyền)

- Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

8. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

- Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi

chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 của Luật doanh nghiệp.

9. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định của pháp Luật hiện hành.

10. Cách thức bỏ phiếu, biểu quyết tại Đại hội thực hiện theo Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại mỗi kỳ họp.

11. Cách thức kiểm phiếu

- Ban Kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Thành viên Ban Kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT

- Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;

- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;

- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;

- Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội.

12. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh Nghiệp:

- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

- Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

- Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

- Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;

- Tổ chức lại, giải thể công ty;

- Vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định.

Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

13. Thông báo kết quả kiểm phiếu: Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra và tổng hợp báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội.

14. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

- Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

- Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

15. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

16. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông : Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản:

Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

- Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

- Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

+ Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

+ Mục đích lấy ý kiến;

+ Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

+ Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

+ Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

+ Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

+ Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

- Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

- Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

+ Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

+ Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

- Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- + Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- + Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- + Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- + Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- + Các vấn đề đã được thông qua;
- + Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

- Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

- Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

- Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG 3

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 6. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ

quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;
- d. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người điều hành khác;
- e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
- f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
- h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông ;
- i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;
- k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
- l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
- m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
- n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
- o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;
- p. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

- a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;
- b. Thành lập các công ty con của Công ty;
- c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 157 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 142 và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật

doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;

d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 7. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục

2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

Đối với công ty đại chúng chưa niêm yết, Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp công ty đại chúng chưa niêm yết hoạt động theo mô hình quy định tại khoản 2 Điều 137 Luật doanh nghiệp, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của công ty đồng thời phải đảm bảo ít nhất một phần năm (1/5) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập. Trường hợp số thành viên

Hội đồng quản trị của công ty có ít hơn (05) năm người, công ty phải đảm bảo có một thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập.

Đối với công ty niêm yết, Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
- Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;

3. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

- Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 20% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80 đến dưới 90% được đề cử tám (08) ứng cử viên.

- Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

4. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị.

- Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

- Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho

đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

- Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

- Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

- Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

7. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị.

- Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

8. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

- Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn [10 ngày] kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn.

- Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc trường hợp khác theo quy định tại khoản 4 Điều 156 Luật Doanh nghiệp thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới

của Hội đồng quản trị.

Điều 8. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 9. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Số lượng cuộc họp tối thiểu: Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

2. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường

Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

3. Thông báo họp Hội đồng quản trị

- Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề

thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

- Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

4. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

5. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

6. Cách thức biểu quyết

Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều 30 Điều lệ Công ty;
- Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

7. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

8. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

9. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị

Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Thời gian, địa điểm họp;
- Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

10. Trường hợp chủ tọa, hoặc thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp (trừ quy định tại điểm i Khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp) thì biên bản này có hiệu lực.

11. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị phải được thông báo cho Ban điều hành, ban kiểm soát và các bên liên quan để tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện.

Điều 10. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty

Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- Có hiểu biết về pháp luật;

- Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

- Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

3. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp Luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty được công bố thông tin trong nội bộ công ty, trên trang website của công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

5. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty.

- Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

- Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

- Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

- Tham dự các cuộc họp;

- Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

- Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

- Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.

- Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG 4

BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát.

1. Thành viên Ban kiểm soát có các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

3. Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

- Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

- Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

- Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác.

- Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

- Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

- Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

- Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

- Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

1. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát

Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 169 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
- Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

- Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ công ty.

- Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

4. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát

Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực, hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

- Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ

tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:

- Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

- Có đơn từ chức và được chấp thuận;

- Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:

- Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

- Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty;

- Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

- Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác;

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

- Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

7. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát

Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

- Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

- Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

- Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG 5

TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 13. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

Tổng giám đốc là người điều hành theo sự phân công trong Ban Điều hành công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

Điều 14. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc.

1. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc

Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty

Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

- Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;

- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.

2. Ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc

Ban điều hành, các thành viên HĐQT có quyền đề cử ứng viên Tổng giám đốc theo đúng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 14 Quy chế này và trình lên HĐQT xem xét khi công ty có nhu cầu tìm kiếm Tổng giám đốc.

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

3. Bổ nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác.

Hội đồng quản trị có thẩm quyền ký kết/ chấm dứt hợp đồng lao động và quyết định các điều khoản của hợp đồng lao động phù hợp với quy định của Luật hiện hành.

4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin theo trình tự và quy định của Luật hiện hành.

5. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc

Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

Tiền lương và chi phí hoạt động cho Tổng Giám đốc tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của Luật hiện hành.

CHƯƠNG 6

CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 15. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc được thực hiện theo thủ tục, trình tự triệu tập họp HĐQT được quy định tại Điều 9 Quy chế này.

2. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát;

Nghị quyết/ quyết định sau khi được ban hành phải được Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc Người Phụ Trách Quản Trị công ty gửi đến cho Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

3. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc

Nghị quyết/ quyết định (với các nội dung liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc) sau khi được ban hành phải được Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc Người Phụ Trách Quản Trị gửi đến cho Tổng Giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

4. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị;

Ban kiểm soát có thể đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- Khi có yêu cầu của cổ đông/nhóm cổ đông theo quy định theo khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

- Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban điều hành vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả.

Tổng giám đốc có thể đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- Khi xét thấy các quyền của Tổng giám đốc theo quy định tại điều 35 Điều lệ công ty không được thực thi.

- Các nội dung vượt quá thẩm quyền Tổng giám đốc theo ủy quyền của Hội đồng quản trị.

- Các giao dịch mà Tổng giám đốc là bên liên quan.

- Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban điều hành sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả.

5. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao;

- Theo định kỳ và đột xuất khi có yêu cầu của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc phải tổ chức họp Ban điều hành để kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao cũng như việc thực hiện các nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Ban điều hành. Biên bản họp phải được lưu trữ, làm cơ sở trích dẫn và đưa thông tin vào các báo cáo của Ban điều hành.

- Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho các đối tượng này kết quả thực hiện các chỉ đạo, nội dung nghị quyết của Hội đồng quản trị khi được yêu cầu.

- Khi cần thiết, Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu các thành viên Ban điều hành cũng như các chức danh thuộc thẩm quyền quản lý của Tổng Giám đốc báo cáo về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

- Cách thức báo cáo:

+ Báo cáo trực tiếp tại các cuộc họp Hội đồng quản trị.

+ Báo cáo bằng văn bản.

6. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc

Các nội dung giám sát việc thực hiện nghị quyết và vấn đề khác của Hội đồng quản trị được tích hợp thành 1 mục trong cuộc họp Hội đồng quản trị.

7. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát yêu cầu cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, tình hình hoạt động kinh doanh của công ty theo đúng quy định pháp luật.

8. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các Kiểm soát viên và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên

- Các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và Tổng Giám đốc sẽ thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại theo tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho công việc của các thành viên theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty, quy chế làm việc và kế hoạch hành động chung.

- Trường hợp khẩn cấp, các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và Tổng Giám đốc có thể thông tin ngay (bằng gặp mặt, điện thoại hoặc email đã đăng ký với Công ty) cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng ban Kiểm soát hoặc Tổng Giám đốc hoặc cả ba người để được giải quyết hiệu quả.

- Khi phát hiện rủi ro có thể gây ảnh hưởng đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Công ty, Tổng Giám đốc phải thông báo ngay cho Chủ tịch HĐQT và Trưởng Ban Kiểm soát biết về rủi ro này.

Điều 16. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác

Việc đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban điều hành căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các kết quả đã đạt được.

CHƯƠNG 7

HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 17. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần 32 bao gồm 7 chương, 17 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2022

2. Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức, triển khai, thực hiện Quy chế này./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

DỰ THẢO QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

MỤC LỤC

Chương I	2
QUY ĐỊNH CHUNG	2
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	2
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị	2
Chương II	3
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	3
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị	3
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	3
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	3
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị	4
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị	5
Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	6
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	6
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	7
Chương III	8
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	8
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	8
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch	10
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	10
Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị	11
Chương IV	12
CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	12
Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị	12
Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị	13
Chương V	14
BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH	14
Điều 18. Trình báo cáo hằng năm	14
Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	15
Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan	15
Chương VI	16
MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	16
Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị	16
Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành	16
Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán	16
Chương VII	17
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	17
Điều 24. Hiệu lực thi hành	17

CÔNG TY CỔ PHẦN 32

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh ngày tháng năm 2022

QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần 32.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày tháng năm 2022

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần 32

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần 32 bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có 05 thành viên. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

4. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
- d) Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
- d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc trường hợp khác theo quy định tại khoản 4 Điều 156 Luật Doanh nghiệp thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 20% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03)

ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80 đến dưới 90% được đề cử tám (08) ứng cử viên.

Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các

thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;
- d. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người điều hành khác;
- e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;

f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;

h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông ;

i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;

k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;

l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;

m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;

o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;

p. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;

b. Thành lập các công ty con của Công ty;

c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 157 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 142 và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;

d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được

thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng

quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;

b) Báo cáo tài chính;

c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;

d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và Ban điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm

soát hoặc Ủy ban kiểm toán theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần 32 bao gồm 7 chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2022./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

DỰ THẢO QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

MỤC LỤC

Chương I	2
QUY ĐỊNH CHUNG	2
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	2
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát	2
Chương II	2
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)	2
Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát	3
Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát	3
Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát	3
Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát	4
Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát	4
Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	4
Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	5
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	5
Chương III	6
BAN KIỂM SOÁT	6
Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát	6
Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát	7
Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông	8
Chương IV	8
CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT	8
Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát	8
Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát	8
Chương V	9
BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH	9
Điều 16. Trình báo cáo hàng năm	9
Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác	9
Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan	10
Chương VI	10
MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT	10
Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát	10
Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành	11
Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị	11
Chương VII	11
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	11
Điều 22. Hiệu lực thi hành	11

CÔNG TY CỔ PHẦN 32
BAN KIỂM SOÁT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP.HCM, ngày 15 tháng 4 năm 2022

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần 32;

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần 32 bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng Khoán, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
 - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành và người quản lý khác;
 - d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu

ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- c) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Ban điều hành trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất mỗi quý một lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.

Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và những người điều hành doanh nghiệp khác.

6. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cổ đông.

7. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và

Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần 32 bao gồm 7 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2022./.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN

(Ký, ghi rõ họ tên)